

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

Kỹ năng phát hiện, điều tra,
xử lý tội phạm về động vật hoang dã

Hà Nội, 2019



BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

Chủ trì biên soạn: Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) - Chương trình Việt Nam

Nhóm chuyên gia:

1. TS. Nguyễn Đức Hạnh

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

2. TS. Thẩm Hoàng Tú

Phó Trưởng khoa, Khoa Cảnh sát môi trường, Học viện Cảnh sát nhân dân

3. ThS. Nguyễn Văn Tùng

Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học, Tòa án nhân dân tối cao

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

Kỹ năng phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm về động vật hoang dã

Tài liệu này là kết quả của dự án “Nâng cao năng lực thực thi và tăng cường hợp tác để chống lại các mạng lưới buôn bán động vật hoang dã ở Đông Nam Á và Mỹ La-tinh” do Cục Đặc trách Chất gây nghiện và Thực thi Pháp luật Quốc tế Hoa Kỳ (INL) tài trợ thực hiện từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2019. Tháng 10 năm 2019, tài liệu được tái bản có chỉnh sửa, bổ sung với sự hỗ trợ tài chính của Liên Minh Châu Âu. Nội dung tài liệu do Tổ chức Wildlife Conservation Society - chương trình Việt Nam xây dựng và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Chính phủ Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Tổ chức WCS Việt Nam

Địa chỉ: 106, nhà D, số 3 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3514 9750

Email: wcsvietnam@wcs.org

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

Về WCS

WCS hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. Chúng tôi ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật tại Việt Nam ở mọi cấp độ, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam bắt giữ và truy tố thành công tội phạm.

LỜI NÓI ĐẦU

Buôn bán động vật hoang dã (ĐVHD) trái pháp luật là một trong các nguyên nhân chính đang đẩy các loài hoang dã mang tính biểu tượng trên trái đất đến bờ tuyệt chủng. Hành động để chấm dứt tình trạng buôn bán ĐVHD trái pháp luật ngay lúc này là một ưu tiên cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng không chỉ về bảo tồn thiên nhiên mà còn góp phần đảm bảo an ninh và phát triển quốc gia.

Với mục tiêu nâng cao năng lực cho cán bộ thực thi pháp luật, hướng tới hành động hiệu quả trong triệt phá, truy tố và xét xử tội phạm về ĐVHD, Tổ chức WCS và Trung tâm nghiên cứu Tội phạm học và Điều tra tội phạm - Học viện Cảnh sát nhân dân đã phối hợp chặt chẽ với các cán bộ, giảng viên giàu nghiệp vụ, chuyên môn của trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Học viện Cảnh sát nhân dân và Toà án nhân dân tối cao để xây dựng tài liệu “Kỹ năng phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm về động vật hoang dã”.

Đây là tài liệu tập huấn về phòng chống buôn bán trái pháp luật ĐVHD đầu tiên dành cho cán bộ thực thi pháp luật liên ngành. Tài liệu nhằm cung cấp cho học viên lý thuyết nền tảng toàn diện và kỹ năng xử lý tội phạm thông qua các bài tập thực hành dựa trên các tình huống thực tế. Chúng tôi hy vọng tài liệu này sẽ trở thành một học liệu phù hợp và thiết thực, góp phần củng cố hiệu quả trong đào tạo các cán bộ chuyên trách xử lý tội phạm về ĐVHD.

Trong quá trình biên soạn tài liệu sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi rất mong nhận được sự phản hồi, góp ý của các chuyên gia, cán bộ thực thi pháp luật và quý độc giả để tiếp tục hoàn thiện tài liệu, phục vụ tốt hơn cho các tập huấn chuyên sâu trong tương lai.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU	4
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	4
Danh mục từ viết tắt	5
Giới thiệu	6
PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ.....	8
1.1. Nhận thức chung về động vật hoang dã (ĐVHD)	8
1.1.1. Khái niệm	8
1.1.2. Phân loại	10
1.2. Tổng quan tình hình tội phạm và công tác thực thi pháp luật về ĐVHD	11
1.2.1. Tình hình tội phạm về ĐVHD	11
1.2.2. Thực trạng công tác thực thi pháp luật về ĐVHD	15
1.3. Hệ thống pháp luật về quản lý và bảo vệ ĐVHD	20
1.3.1. Các quy định về quản lý và bảo vệ ĐVHD.....	20
1.3.2. Quy định về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử	28
PHẦN 2. KỸ NĂNG XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT HIỆN, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ VÀ XÉT XỬ TỘI PHẠM VỀ ĐVHD.....	33
2.1. Tiếp nhận, xử lý thông tin ban đầu và bắt giữ tội phạm về ĐVHD.....	33
2.1.1. Các bước cần phải tiến hành trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin ban đầu và bắt giữ tội phạm về ĐVHD.....	33
2.1.2. Một số bài tập tình huống	38
2.2. Điều tra thu thập chứng cứ theo quy trình tố tụng hình sự	40
2.2.1. Quy trình tiến hành điều tra	40
2.2.2. Một số bài tập tình huống	43
2.3. Truy tố hành vi phạm tội và kiểm sát các vụ án liên quan đến ĐVHD.....	45
2.3.1. Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát đối với các vụ án về ĐVHD.....	45
2.3.2. Viện kiểm sát kiểm sát việc giải quyết các vụ án về ĐVHD trong các giai đoạn của tố tụng hình sự	52
2.3.3. Một số bài tập tình huống	55
2.4. Xét xử các vụ phạm tội về ĐVHD.....	57
2.4.1. Quy trình tiến hành xét xử.....	57
2.4.2. Một số bài tập tình huống	61
2.5. Xử lý vật chứng.....	65
2.5.1. Quy trình tiến hành xử lý vật chứng	65
2.6. Kỹ năng nhận dạng loài và sản phẩm loài.....	66
2.6.1. Giới thiệu nhận dạng loài và sản phẩm loài ĐVHD thường bị buôn bán	66
2.6.2. Giới thiệu các tài liệu và công cụ hỗ trợ nhận dạng loài.....	67
PHẦN 3. BÀI TẬP THỰC HÀNH	71
3.1 Bài số 1.....	71
3.2 Bài số 2.....	73
3.3 Bài số 3.....	75

3.4 Bài số 4.....	76
3.5 Bài số 5.....	78
3.6 Bài số 6.....	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
Phụ lục 1. Danh mục các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý và bảo vệ ĐVHD	84
Phụ lục 2. Danh sách các cơ quan chức năng có liên quan đến quản lý và bảo vệ ĐVHD.....	88
Phụ lục 3. Danh mục các loài ĐVHD được bảo vệ theo Pháp luật Việt Nam và theo công ước CITES	90
Phụ lục 4. Mẫu biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm	98

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Số thứ tự	Tên bảng	Trang
Bảng 1	Kết quả xử lý hình sự đối với tội phạm về bảo vệ ĐVHD trong 5 năm (từ 2013 - 2017)	15

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Số thứ tự	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 1	Số đối tượng vi phạm tính theo độ tuổi, giai đoạn 2013 - 2017	12
Biểu đồ 2	Tỷ lệ số vụ việc bị bắt giữ, xử lý theo loài ĐVHD, giai đoạn 2013 - 2017	12
Biểu đồ 3	Tỉ lệ xử phạt hành chính và hình sự (số vi phạm), giai đoạn 2013 - 2017	14
Biểu đồ 4	Hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan về ĐVHD	15
Biểu đồ 5	Mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng bị Tòa án tuyên trong bản án sơ thẩm, giai đoạn 2013 - 2015	15
Biểu đồ 6	Các mức xử phạt tiền trong vi phạm hành chính	16

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt/ ký hiệu	Cụm từ đầy đủ
BCA	Bộ Công an
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
BNN	Bộ Nông nghiệp
BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
BQP	Bộ Quốc phòng
BTC	Bộ Tài chính
CBD	Công ước Đa dạng sinh học
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
CQĐT	Cơ quan điều tra
CSĐT	Cảnh sát điều tra
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐTV	Điều tra viên
ĐVHD	Động vật hoang dã
ENV	Trung tâm giáo dục thiên nhiên
FFI	Tổ chức bảo tồn động thực vật hoang dã quốc tế
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
HVCSND	Học viện Cảnh sát Nhân dân
INL	Cục Đặc trách Chất gây nghiện và Thực thi Pháp luật Quốc tế Hoa Kỳ
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KLĐT	Kết luận điều tra
KSV	Kiểm sát viên
RAMSAR	Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước
TANDTC	Tòa án Nhân dân Tối cao
TCLN	Tổng cục Lâm nghiệp
TT	Thông tư
TTg	Thủ tướng
TTLT	Thông tư liên tịch
TRAFFIC	Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã toàn cầu
USAID	Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ
ƯTBV	Ưu tiên bảo vệ
VKSNDTC	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
VQG	Vườn quốc gia
WWF	Quỹ bảo vệ thiên nhiên quốc tế

GIỚI THIỆU

Việt Nam là quốc gia nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, được đánh giá là một trong những nước có đa dạng sinh học cao trên thế giới với sự phong phú của các loài động vật hoang dã (ĐVHD). Tuy nhiên, phần lớn các loài này đang bị đe dọa nghiêm trọng dẫn đến nguy cơ bị tuyệt chủng. Nguyên nhân là do hoạt động buôn bán trái pháp luật ĐVHD phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và buôn bán trái phép ra nước ngoài. Các loài động vật hoang dã bị buôn bán chủ yếu là các loài linh trưởng, hổ, gấu, tê tê, rùa, rắn, ngà voi, sừng tê giác và các sản phẩm, dẫn xuất của các loài ĐVHD. Hoạt động buôn bán ĐVHD trái pháp luật ngày càng có chiều hướng gia tăng, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc về ĐVHD.

Với mục tiêu hỗ trợ, nâng cao năng lực cho cán bộ của các cơ quan chức năng trong công tác phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD, Tổ chức WCS phối hợp với Học viện Cảnh sát nhân dân (HVCSND) và nhóm chuyên gia đến từ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) xây dựng bộ tài liệu tập huấn dùng cho cán bộ các cơ quan công an, kiểm sát và tòa án các cấp. Tài liệu tập huấn tập trung vào 6 nội dung cơ bản:

- Các quy định pháp luật liên quan đến quản lý và bảo vệ ĐVHD.
- Kỹ năng xử lý các vụ việc liên quan đến ĐVHD, bắt đầu từ khâu tiếp nhận, xử lý thông tin ban đầu, bắt giữ, điều tra, truy tố và xét xử.
- Kỹ năng xử lý các tình huống có thể xảy ra trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.
- Thực hành giải quyết một số vụ án thực tế về ĐVHD đã được điều tra, truy tố, xét xử.
- Công tác phối hợp giữa cơ quan công an, kiểm sát và tòa án để giải quyết các khó khăn trong thực tiễn xử lý các vụ việc liên quan đến ĐVHD. Ví dụ: bảo quản, xử lý vật chứng, chuyển giao cứu hộ ĐVHD còn sống...
- Các kiến thức cơ bản liên quan đến loài ĐVHD, bao gồm kỹ năng nhận dạng loài.





PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1.1. Nhận thức chung về động vật hoang dã (ĐVHD)

1.1.1. Khái niệm

Theo cách tiếp cận về bản chất cụm từ “động vật hoang dã” là chỉ chung cho các loài động vật sống trong tự nhiên không chịu sự tác động của con người. Tuy nhiên, theo các nhà khoa học thì các loài ĐVHD ngày nay đang sống trên trái đất đều chịu sự tác động ở một mức nhất định nào đó bởi các hoạt động của con người.

Tiếp cận khái niệm “ĐVHD” dưới góc độ các văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cũng có những cách giải thích khác nhau. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm giải thích *động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm* là động vật có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học và môi trường, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng, thuộc danh mục các động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do Chính phủ quy định. Trong Nghị định cũng quy định các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm được chia thành 02 nhóm là Nhóm IB (nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, gồm những loài động vật rừng có giá trị đặc biệt về khoa học, môi trường hoặc có giá trị cao về kinh tế, số lượng quần thể còn rất ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng cao) và Nhóm IIB (hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, gồm những loài động vật rừng có giá trị về khoa học, môi trường hoặc có giá trị cao về kinh tế, số lượng quần thể còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng) và kèm theo danh mục quy định về động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.

Khoản 13, Điều 3, Luật Đa dạng sinh học 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 đưa ra khái niệm về *loài hoang dã* như sau: “Loài hoang dã là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật.” Luật Đa dạng sinh học cũng quy định nội dung về bảo vệ các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ (U'TBV) và phát triển bền vững.

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định 02 tội danh có liên quan đến ĐVHD là Điều 234 - Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và 244 - Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Trong đó chỉ rõ những loài động vật thuộc danh mục nằm trong nhóm IB, nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục I, Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).

Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng điều 234 và điều 244 cũng giải thích: “*ĐVHD* quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II CITES” và “*ĐVHD* khác quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và *ĐVHD* nguy cấp thuộc Phụ lục III CITES, còn “*Động vật nguy cấp, quý, hiếm* quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục I CITES.

Như vậy, từ cách hiểu về bản chất cũng như tiếp cận các quy định trong văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý, bảo vệ các loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, có thể hiểu *ĐVHD* là *những loài động vật sinh sống, phát triển theo quy luật tự nhiên, có giá trị đặc biệt về kinh tế, y tế, khoa học và môi trường được quy định trong các văn bản của Nhà nước hoặc các văn kiện quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.*

Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về tiêu chí xác định loài *ĐVHD* nguy cấp, quý hiếm được UTBV khi có một trong các điều kiện sau:

- + Suy giảm quần thể ít nhất 50% theo quan sát hoặc ước tính trong mười (10) năm gần nhất hoặc ba (03) thế hệ cuối tính đến thời điểm đánh giá; hoặc được dự báo suy giảm ít nhất 50% trong 10 năm hoặc ba (03) thế hệ tiếp theo tính từ thời điểm đánh giá.

- + Nơi cư trú hoặc phân bố ước tính dưới 500 km² và quần thể bị chia cắt nghiêm trọng hoặc suy giảm liên tục về khu vực phân bố, nơi cư trú.

- + Quần thể loài ước tính dưới 2.500 cá thể trưởng thành và có một trong các điều kiện: suy giảm liên tục theo quan sát hoặc ước tính số lượng cá thể từ 20% trở lên trong năm (05) năm gần nhất hoặc hai (02) thế hệ cuối tính đến thời điểm đánh giá; suy giảm liên tục số lượng cá thể trưởng thành, cấu trúc quần thể có dạng bị chia cắt và không có tiểu quần thể nào ước tính có trên 250 cá thể trưởng thành hoặc chỉ có một tiểu quần thể duy nhất.

- + Quần thể loài ước tính có dưới 250 cá thể trưởng thành.

- + Xác suất bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên của loài từ 20% trở lên trong vòng 20 năm tiếp theo hoặc năm (05) thế hệ tiếp theo tính từ thời điểm lập hồ sơ.

Bên cạnh đó cũng cần phải xác định:

- + “*Nguy cấp*” được hiểu là một trạng thái bảo tồn của sinh vật được quy định trong sách đỏ của tổ chức Liên minh Bảo tồn Thế giới (IUCN). Một loài được coi là nguy cấp khi nó phải

đổi mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên rất cao trong một tương lai rất gần nhưng kém hơn mức cực kỳ nguy cấp.

+ Loài “*quý, hiếm*” là những loài có giá trị về thực phẩm, dược liệu, mỹ nghệ, nguyên liệu công nghiệp, làm cảnh, khoa học, xuất khẩu... và là những động vật sống trong tự nhiên đang có số lượng giảm sút và nguy cơ tuyệt chủng cao (Số lượng cá thể giảm 50%).

Việc xác định các tiêu chí trên là cơ sở để phân biệt giữa ĐVHD tự nhiên với ĐVHD được phép nuôi nhốt hoặc nuôi nhốt bán tự nhiên.

1.1.2. Phân loại

Có nhiều tiêu chí để phân loại ĐVHD như theo khu vực sinh sống, theo nhóm, theo loài... Tuy nhiên, dưới góc độ nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng phục vụ công tác phòng, chống tội phạm về ĐVHD cũng như sự phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phân loại ĐVHD theo danh mục được ban hành kèm theo các văn bản pháp luật là phù hợp nhất. Theo đó, ĐVHD được phân loại theo các danh mục sau:

- Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ);

- Danh mục Động vật rừng thuộc nhóm I và nhóm II (Ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/ 2019 của Chính Phủ);

- Danh mục các loài ĐVHD quy định trong các phụ lục của CITES (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/2/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Bên cạnh đó, cũng có thể phân loại theo đặc điểm từng nhóm, loài hoặc theo khu vực phân bố, địa bàn sinh sống của các loài ĐVHD.

1.2. Tổng quan tình hình tội phạm và công tác thực thi pháp luật về ĐVHD

1.2.1. Tình hình tội phạm về ĐVHD

Tình hình chung ở Việt Nam và một số nước liên quan

Buôn bán trái pháp luật ĐVHD (bao gồm vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt, săn bắt...) là hoạt động mang lại lợi nhuận phi pháp lớn thứ tư trên thế giới, xếp sau buôn lậu ma túy, vũ khí và buôn người. Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc, buôn bán trái pháp luật ĐVHD trên toàn cầu ước tính trị giá từ 7 đến 24 tỷ đô la Mỹ mỗi năm (Nellemann và cộng sự, 2017¹). Đây là một hoạt động phi pháp có lợi nhuận cao nhưng rủi ro tương đối thấp do khung pháp lý bảo vệ ĐVHD thường không đầy đủ và tội phạm này thường đi kèm với các loại hình tội phạm khác như rửa tiền (Loucks và cộng sự, 2009; UNODC, 2012²). Với xu hướng gia tăng, loại hình tội phạm này đang trở thành một trong những hoạt động sinh lợi bất hợp pháp và phổ biến nhất trên thế giới.

Đông Á là một điểm nóng tiêu thụ ĐVHD và là điểm đến chính của hoạt động vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt, săn bắt ĐVHD bất hợp pháp, với giá trị ước tính lên đến hơn 2,5 tỷ đô la một năm (UNODC, 2013³). Phần lớn ĐVHD bị buôn bán có nguồn gốc trong khu vực, tuy nhiên với sự suy giảm đa dạng sinh học ngày càng gia tăng trong khu vực và nhu cầu tìm đến các loài ĐVHD hiếm, lạ đã và đang thúc đẩy hoạt động buôn bán trái pháp luật các loài ĐVHD xuyên lục địa, tác động tiêu cực đến hệ sinh thái ở các nước đầu nguồn như châu Phi.

Trong những năm gần đây, tội phạm về ĐVHD ở Việt Nam có xu hướng gia tăng. Phần lớn các loài ĐVHD bị buôn bán trái pháp luật có nguồn gốc từ Myanmar, Lào, Campuchia, Thái Lan và các sản phẩm ĐVHD như ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê có nguồn gốc từ một số nước Châu Phi thường được chuyển đến Việt Nam tiêu thụ hoặc quá cảnh sang Trung Quốc.

Buôn bán trái pháp luật ĐVHD ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường, làm lây lan các bệnh truyền nhiễm, đồng thời ảnh hưởng đến hình ảnh của Việt Nam và quan hệ hợp tác trên trường quốc tế. Tất cả các tác động này đều trực tiếp hoặc gián tiếp làm suy giảm lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

- Sự biến mất của một loài động vật hay số lượng rất lớn động vật trong một thời gian ngắn đã gia tăng áp lực lên các loài động, thực vật phụ thuộc khác và dẫn tới là sự sụp đổ của

¹ Nellemann, C., Henriksen, R., Raxter, P., Ash, N., Mrema, E. (Eds). 2014. *Khủng hoảng tội phạm môi trường - Mối đe dọa đối với sự phát triển bền vững từ việc khai thác và buôn bán trái phép tài nguyên rừng và ĐVHD*, UNEP - GRID-Arendal, 2014.

² UNODC. 2012. *Bộ công cụ phân tích tội phạm với rừng và ĐVHD. Liên Hiệp Quốc*.

³ UNODC. 2013. *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ở Đông Á và Thái Bình Dương. Liên Hiệp Quốc*.

toàn bộ hệ sinh thái trong một khu vực.

- Những dịch bệnh lớn toàn cầu hiện nay cũng phần nào có liên quan đến buôn bán ĐVHD. Hai phần ba các bệnh lây truyền từ động vật sang người có nguồn gốc từ ĐVHD (Jones và cộng sự, 2008). Nguyên nhân chính của sự lây truyền được cho là do con người thực hiện các hoạt động xâm lấn vào tự nhiên như săn bắt ĐVHD, hay các hoạt động làm gia tăng sự tiếp xúc với các loài ĐVHD không áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn sinh học như quá trình vận chuyển, nuôi nhốt, chế biến, tiêu thụ.
- Hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD cũng thường đi cùng với các hoạt động vi phạm pháp luật khác như tội phạm có tổ chức, buôn bán vũ khí.
- Nếu thiếu kiểm soát các hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD thì Việt Nam sẽ bị cô lập, loại trừ khỏi các công ước, thỏa thuận, hiệp định thương mại quốc tế vốn luôn luôn có các điều khoản về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học đi kèm.

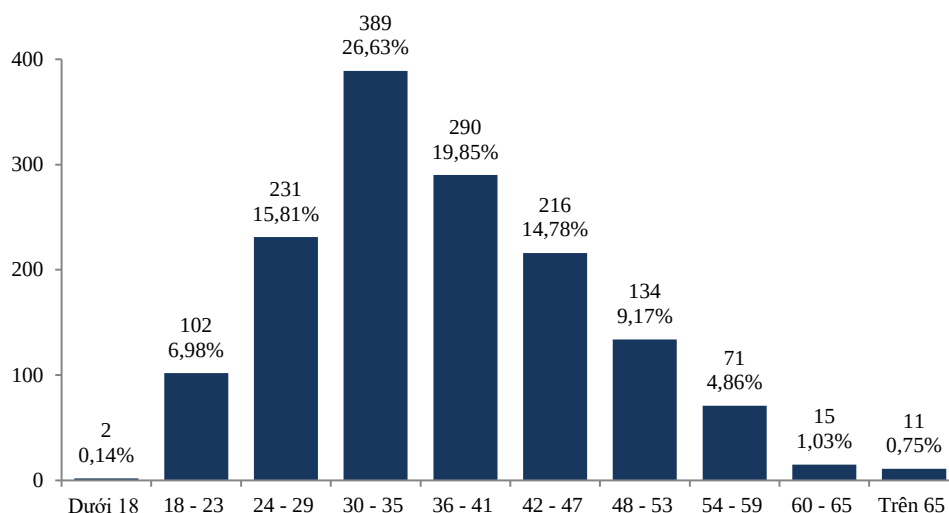
Một số đặc điểm về tội phạm liên quan đến ĐVHD ở Việt Nam

a. Đối tượng vi phạm

Đối tượng vi phạm pháp luật về ĐVHD có thành phần đa dạng, phức tạp, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài. Có đối tượng hoạt động chuyên nghiệp, có tổ chức theo tuyến, địa bàn nhưng cũng có đối tượng vi phạm nhất thời do hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc do điều kiện thuận lợi sẵn có để thực hiện hành vi vi phạm.

Theo Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013 – 2017 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) phối hợp với WCS thực hiện, tổng số 1.461 đối tượng đã bị phát hiện, ngăn chặn trong các vi phạm về ĐVHD với một số đặc điểm như sau:

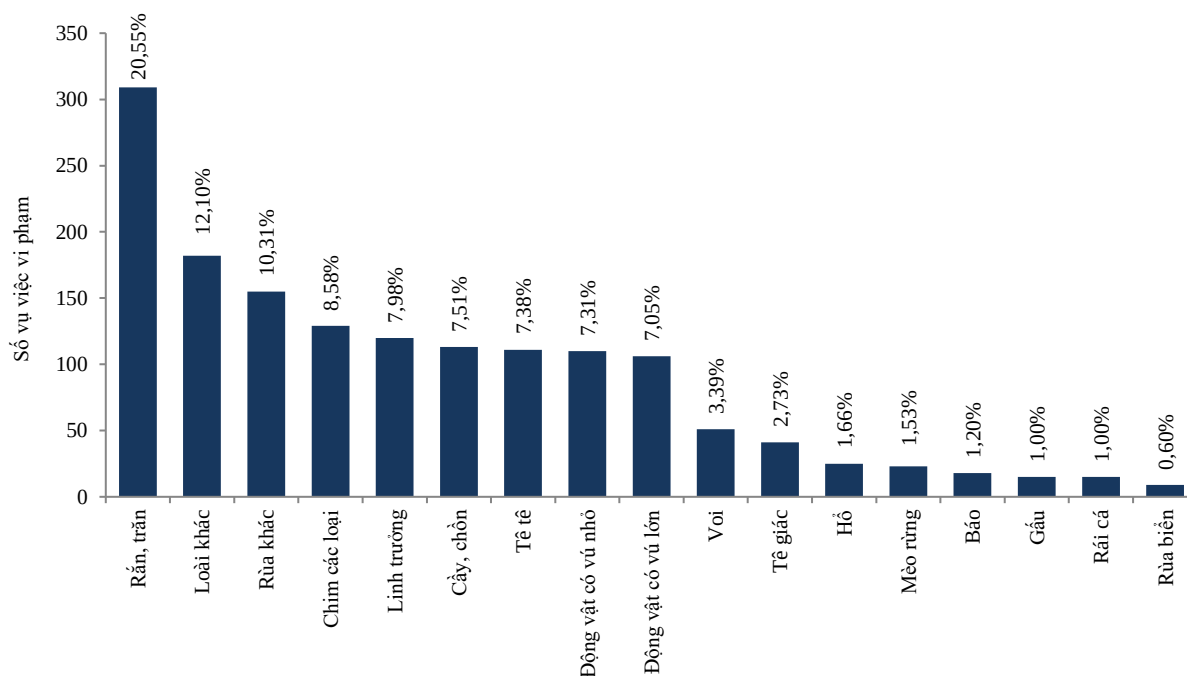
- Về giới tính của đối tượng vi phạm: nam giới chiếm đa số (81,52%) trong các đối tượng tham gia vận chuyển, buôn bán ĐVHD, nữ giới chiếm (18,21%). Tỷ lệ người vi phạm là nam giới tăng nhẹ khi chỉ xét các đối tượng vi phạm bị xử lý hình sự lên tới 85,08% (422/496) bị can.
- Về phân bố độ tuổi của đối tượng vi phạm: phần lớn cũng tuân theo đường cong truyền thống của tháp dân số theo tuổi lao động, với tỷ lệ lớn nhất là 26,63% đối tượng có độ tuổi từ 30 đến 35 tuổi, tiếp đến là 19,85% đối tượng có độ tuổi từ 36 đến 41 tuổi, 15,81% đối tượng có độ tuổi từ 24 đến 29 tuổi và thấp nhất là 0,14% đối tượng có độ tuổi dưới 18 tuổi (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Số đối tượng vi phạm tính theo độ tuổi, giai đoạn 2013 - 2017

b. Loài ĐVHD thường bị buôn bán trái pháp luật

Theo Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam giai đoạn 2013 – 2017, có hơn 180 loài ĐVHD bị vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp trong 1.504 vụ việc, với tổng số 26.221 cá thể và 41.328 kg cá thể và sản phẩm ĐVHD. Trong đó các loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa như: tê tê, rắn, chim các loại và rùa chiếm tỷ lệ lớn trong các vụ việc bị phát hiện, bắt giữ, xử lý (Biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Tỷ lệ số vụ việc bị bắt giữ, xử lý theo loài ĐVHD, giai đoạn 2013 - 2017

c. Phương thức, thủ đoạn buôn bán trái pháp luật ĐVHD

Các đối tượng buôn bán trái pháp luật ĐVHD có phương thức, thủ đoạn khác nhau tùy thuộc vào tính chất, địa bàn hoạt động, các loài ĐVHD buôn bán. Tuy nhiên qua tổng kết thực tiễn công tác đấu tranh với loại tội phạm này có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản như sau:

- *Thủ đoạn trốn tránh sự phát hiện, bắt giữ của cơ quan chức năng:*

+ Hoạt động theo các băng nhóm, đường dây: Việc hình thành các băng nhóm, đường dây tội phạm đang là xu thế hoạt động của tội phạm môi trường hiện nay, bao gồm tội phạm về ĐVHD. Các đối tượng trong và ngoài nước câu kết với nhau để hình thành đường dây mua bán, vận chuyển ĐVHD và các sản phẩm từ nước ngoài vào Việt Nam để tiêu thụ hoặc trung chuyển sang các nước khác như Trung Quốc, Hồng Kông... với phương thức thực hiện ngày càng tinh vi.

+ Dùng thủ đoạn che giấu, cất giấu, vận chuyển tinh vi, xảo quyệt: một số thủ đoạn nhằm trốn tránh sự kiểm tra của các cơ quan chức năng như cho rắn hổ mang chứa vào cặp số, tê tê đóng vào các thùng hàng/container thuộc diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra xác suất (kết hợp với việc mua chuộc hoặc có sự “bảo kê” của một số cán bộ công chức), sản phẩm ĐVHD để lẫn với các loại thực phẩm hoặc trộn lẫn ĐVHD với các loại động vật thông thường, ĐVHD được phép gây nuôi.

+ Hợp pháp hóa hồ sơ giấy tờ chứng minh nguồn gốc ĐVHD hoặc sản phẩm của ĐVHD.

+ Thường xuyên thay đổi địa điểm giao hàng, thời gian giao hàng và thay đổi số máy điện thoại hoặc trao đổi với nhau bằng quy ước riêng, sử dụng tiếng lóng để giao dịch nhằm tránh sự phát hiện, theo dõi của cơ quan chức năng.

+ Sử dụng các trang mạng xã hội như facebook, viber, zalo, instagram,... để giao dịch, mua bán, trao đổi. Đây là phương thức thủ đoạn rất tinh vi và khó phát hiện trong giai đoạn hiện nay.

+ Sử dụng đa dạng các hình thức vận tải để vận chuyển, “xé lẻ” ĐVHD để vận chuyển, sử dụng biển số giả, xe công vụ để vận chuyển.

- *Thủ đoạn trốn tránh trách nhiệm hình sự:*

+ Hối lộ, mua chuộc cán bộ chức năng trực tiếp phát hiện, bắt giữ hoặc dùng “mối quan hệ” để chạy tội, chạy hàng.

+ Lợi dụng nơi vắng vẻ để đánh tháo, tẩu tán tang vật hoặc lợi dụng sự chênh lệch về lực lượng để chống trả, dùng vũ lực đe dọa, chống lại lực lượng chức năng.

+ Không khai báo, khai báo nhỏ giọt, khai báo thăm dò để tìm cách đối phó với cơ quan chức năng.

+ Sử dụng các phương tiện giao thông cơ động, tốc độ cao để bỏ chạy và sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ để chống trả khi bị phát hiện, truy bắt.

d. Tuyển, địa bàn trọng điểm

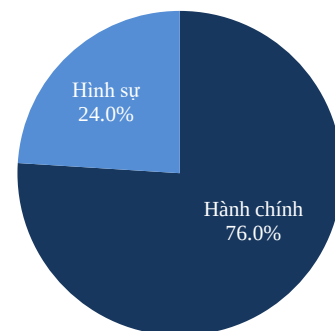
Từ thực tế công tác phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm về ĐVHD, lực lượng cảnh sát môi trường đã xác định được một số tuyến, địa bàn trọng điểm về săn bắt, giết, mua bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD và sản phẩm ĐVHD. Cụ thể:

- Một số tuyến trọng điểm gồm: Hà Nội – Quảng Ninh – Móng Cái; Hà Nội - Lạng Sơn; Hà Nội – Nghệ An – Hà Tĩnh; các tuyến biên giới từ Lào về Việt Nam; các tuyến biên giới từ các tỉnh biên giới Tây Nam về thành phố Hồ Chí Minh (HCM).
- Một số Địa bàn trọng điểm: Hà Nội, thành phố HCM, các tỉnh biên giới như Quảng Ninh, Lạng Sơn, Nghệ An, Hà Tĩnh, Tây Ninh,... và các địa bàn có hoạt động nuôi nhốt ĐVHD như Quảng Ninh, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Tây Ninh...

1.2.2. Thực trạng công tác thực thi pháp luật về ĐVHD

Theo Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013 – 2017 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với WCS thực hiện, các cơ quan chức năng đã phát hiện, bắt giữ 1.504 vi phạm với 1.461 đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD.

Khoảng hai phần ba số vi phạm về ĐVHD đã bị xử phạt hành chính và phần còn lại là bị xử lý hình sự trong 5 năm (từ 2013 đến 2017) (Biểu đồ 3).



Biểu đồ 3: Tỷ lệ xử phạt hành chính và hình sự (số vi phạm), giai đoạn 2013-2017

Xử lý hình sự

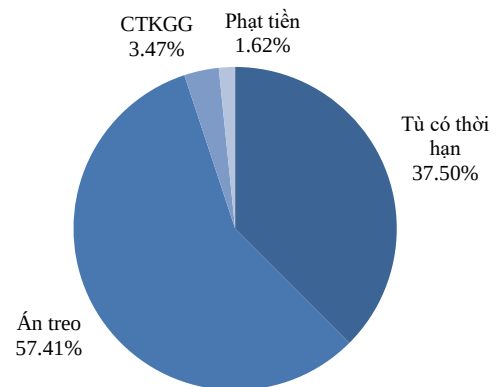
Trong 5 năm (từ 2013 đến 2017) các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã bắt giữ, khởi tố hình sự 496 bị can, số đối tượng vi phạm bị khởi tố, truy tố và xử lý hình sự qua các năm được thể hiện dưới đây:

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng số
Số bị can bị khởi tố về hình sự	113	19	143	110	111	496
Số bị can bị truy tố về hình sự	86	20	103	119	120	448
Số bị cáo bị xét xử hình sự sơ thẩm	67	34	79	120	132	432

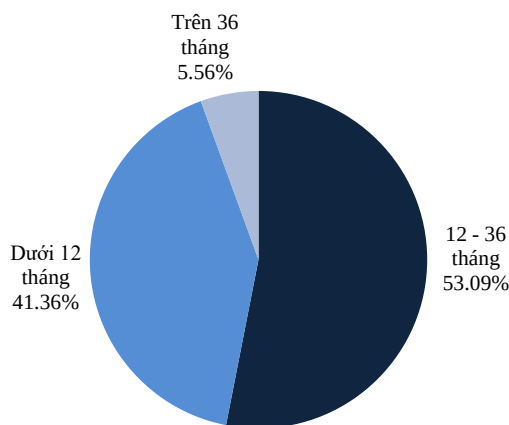
Bảng 1: Kết quả xử lý hình sự đối với tội phạm về bảo vệ ĐVHD trong 5 năm (từ 2013 đến 2017)

Nguồn số liệu: Báo cáo tổng kết Tình hình vi phạm và Thực thi Pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017

Trong tổng số 432 bị cáo bị Tòa án các cấp xét xử thì hình phạt án treo chiếm tỷ lệ cao nhất là 57,41% (248/432) bị cáo, hình phạt tù có thời hạn có tỷ lệ lớn thứ hai chiếm tới 37,5% (162/432) bị cáo và cải tạo không giam giữ (CTKGG) là 3,47% (15/432) bị cáo, phạt tiền là 1,62% (7/432) bị cáo, miễn trách nhiệm hình sự là 0,23% (1/432) bị cáo (Biểu đồ 4).



Biểu đồ 4. Hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan về ĐVHD



Biểu đồ 5: Mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng bị Tòa án tuyên trong bản án sơ thẩm, giai đoạn 2013-2015

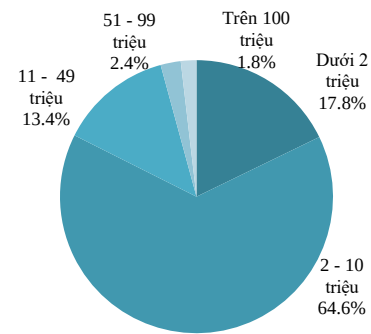
Trong tổng số 162 bị cáo bị tuyên phạt tù có thời hạn về tội liên quan đến ĐVHD có 41,36% (67/162) bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn dưới 12 tháng và hơn 5% (9/162) bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn trên 36 tháng, còn lại là 53,09% (86/162) số bị cáo bị tuyên mức hình phạt tù từ 12 tháng đến 3 năm tù (36 tháng) - (Biểu đồ 5).

Ngoài hình phạt tù, có 16,05% (26/162) bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền với tổng số tiền là 626,5 triệu đồng (26.785 USD), trong đó, cao nhất là 130 triệu đồng (5.780 USD), thấp nhất là 3 triệu đồng (133 USD).

Xử phạt vi phạm hành chính

Trong tổng số 1.143 vụ việc vi phạm hành chính, có 965 đối tượng bị xử lý hành chính, 201 trường hợp không phát hiện được đối tượng (hàng vô chủ). Có 921/965 đối tượng bị xử phạt bằng hình thức phạt tiền (95,44%), còn lại xử lý bằng hình thức khác như: cảnh cáo, tịch thu tang vật... chiếm 4,56% (44 đối tượng).

Tổng số tiền phạt đối với đối tượng bị áp dụng xử phạt tiền (921/965) là 15.424.801.504 đồng. Trong đó, mức phạt tiền từ 2-10 triệu đồng chiếm tỷ lệ cao nhất là 64,6% (595/921) đối tượng, tiếp theo là mức phạt dưới 2 triệu đồng chiếm 17,81% (164/921) đối tượng, mức phạt từ 11-49 triệu chiếm 13,36% (123/921) đối tượng, mức phạt từ 51-99 triệu chiếm 2,39% (22/921) đối tượng và thấp nhất là mức phạt trên 100 triệu chỉ chiếm 1,85% (17/921) đối tượng (Biểu đồ 6).



Biểu đồ 6: Các mức xử phạt tiền trong vi phạm hành chính

Từ số liệu trên có thể thấy số lượng đối tượng hưởng án treo khi xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHĐ, động vật nguy cấp, quý, hiếm là tương đối lớn. Việc cho hưởng án treo nhiều có thể xuất phát từ một số lý do như sau:

- Tại khoảng thời gian trên, phần lớn tội phạm liên quan đến ĐVHĐ bị xử lý theo Điều 190 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
- Một số bị cáo là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội không nhận thức được hành vi của mình là tội phạm, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc có thói quen di canh di cư, sống trong các khu rừng.
- Số lượng vi phạm không phát hiện được đối tượng (hàng vô chủ) cũng tương đối lớn, do đó không xử lý được kẻ chủ mưu, cầm đầu mà chỉ phát hiện, xử lý được người giúp sức, vận chuyển thuê nên hình phạt áp dụng chỉ mang tính giáo dục.
- Có tình trạng áp dụng hình phạt quá nhẹ hoặc cho hưởng án treo không đúng quy định.

Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định về quản lý và bảo vệ ĐVHD

Từ thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trong thời gian qua cũng như vướng mắc trong quá trình áp dụng BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, một số khó khăn, vướng mắc còn tồn tại như sau:

- **Thứ nhất:** tính thống nhất của các qui định

BLHS đã có nhiều sửa đổi, bổ sung mới, như bổ sung Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD (Điều 234) nhằm thực hiện đầy đủ các khuyến nghị của các điều ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD mà Việt Nam là thành viên; sửa đổi tên tội danh “*vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” (theo BLHS năm 1999) thành “*tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” để mở rộng phạm vi đối tượng các loài ĐVHD được bảo vệ tại Điều này; sửa đổi cấu thành cơ bản của tội phạm này theo hướng cụ thể hóa các hành vi cấu thành tội phạm; bổ sung hành vi “*tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận không thể tách rời sự sống của cá thể*” nhằm bảo đảm xử lý triệt để các hành vi phạm tội, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn; bổ sung mới các nhóm hành vi phạm tội với các mức định lượng cụ thể, trong đó có các nhóm hành vi liên quan đến ngà voi, sừng tê giác, cá thể (kể cả động vật đã chết), bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của cá thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả” bằng các tình tiết định lượng như: khối lượng, số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống để làm căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự; bổ sung các tình tiết tăng nặng mới, điều chỉnh chế tài xử lý đối với tội này theo hướng nghiêm khắc hơn; bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội phạm này.

Những sửa đổi, bổ sung nêu trên đã khắc phục được một số bất cập, hạn chế của BLHS năm 1999 và phần nào đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội phạm liên quan đến ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, BLHS vẫn còn có nhiều quy định định tính, chung chung và có cách hiểu khác nhau cần có sự hướng dẫn áp dụng thống nhất, cụ thể:

+ Thế nào là cá thể, thế nào là bộ phận và bộ phận nào là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật; ví dụ: bộ phận cơ thể đã sấy, sơ chế thì là bộ phận cơ thể hay sản phẩm của động vật; một cá thể động vật chết song không đủ các bộ phận trong đó, thì coi là cá thể nguyên con hay là bộ phận của động vật?

+ Quy định trọng lượng làm cách tính cho bộ phận và sản phẩm của ĐVHD mới chỉ được

cụ thể hóa cho sừng tê giác, ngà voi, hổ. Như vậy, nếu là bộ phận, sản phẩm các loài ĐVHD quý hiếm khác thì sẽ tính thế nào? Có định giá hay không định giá bộ phận, sản phẩm này?

+ Săn bắt vào thời gian bị cấm là thời gian nào. Tại khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009 có quy định săn bắt vào thời gian cấm là tình tiết định khung hình phạt và theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19 ngày 09/03/2007 thì thời gian cấm tức là săn bắt động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc mùa di cư của chúng. Tuy nhiên, hiện nay không có văn bản nào hướng dẫn hoặc quy định về mùa sinh sản của các loài, do vậy rất khó xử lý với các vi phạm xảy ra.

- **Thứ hai:** việc xử lý vật chứng

Vấn đề xử lý vật chứng là ĐVHD, quý, hiếm theo Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) còn những bất cập, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ về thời điểm xử lý vật chứng đối với ĐVHD là ngay sau khi có kết luận giám định. Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản nào quy định cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với tang vật là ĐVHD, nên rất khó khăn trong việc bàn giao vật chứng. Vì vậy, để quy định này có thể thực hiện trên thực tế, cần phải có hướng dẫn cụ thể; cần phải bổ sung các quy định về cách thức xử lý vật chứng, ví dụ như việc tái thả phải tuân thủ trình tự, thủ tục quy định rõ ràng; hoặc đối với động vật sống chưa đủ điều kiện thả về với tự nhiên cần được cứu hộ thì phải được gửi tới những nơi có đủ điều kiện để cứu hộ động vật. Đồng thời, cần có quy định trong trường hợp động vật được cứu hộ đã đủ điều kiện thả về tự nhiên thì cơ sở cứu hộ phải tái thả động vật.

- **Thứ ba:** về việc trưng cầu giám định, trưng cầu định giá

Đối với các sản phẩm của ĐVHD và động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ khi thu giữ phải được niêm phong để tiến hành giám định ADN nhằm xác định đúng loài, chủng loại để làm căn cứ xử lý. Tuy nhiên, cơ quan chức năng gặp khó khăn về chi phí bảo quản, lưu giữ và đi lại. Vấn đề khó khăn là sản phẩm động vật quý hiếm được gửi giám định có cùng mẫu ADN hay nhiều mẫu khác nhau do trường hợp sản phẩm của động vật quý hiếm không còn mẫu hoặc mẫu không còn thuần chủng, đã bị lai hóa, thì không có căn cứ, văn bản nào để kết luận mẫu ADN tương ứng với số lượng động vật nguy cấp, quý, hiếm bị giết hay bị khai thác.

Trong trường hợp phải định giá thì có thực hiện được không và căn cứ vào đâu để định giá.

1.3. Hệ thống pháp luật về quản lý và bảo vệ ĐVHD

1.3.1. Các quy định về quản lý và bảo vệ ĐVHD

1.3.1.1. Các Công ước quốc tế về quản lý, bảo vệ ĐVHD Việt Nam tham gia ký kết

a. Công ước Quốc tế về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (Công ước CITES - 1973)

Công ước ra đời nhằm mục đích bảo vệ tính đa dạng sinh học của các loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. Ngăn chặn mức độ khai thác một số loài động thực vật vào mục đích thương mại đang có xu hướng gia tăng, cùng với những nhân tố khác như mất môi trường sống và suy giảm về số lượng đang đẩy một số loài đến nguy cơ tuyệt chủng. Những nội dung chính của công ước là các quốc gia thành viên có quyền tiến hành các biện pháp trong nước chặt chẽ hơn có liên quan đến việc buôn bán lấy mẫu hoặc sở hữu mẫu vật, vận chuyển các loại theo quy định của công ước hoặc hạn chế hay nghiêm cấm các loài đó.

Việt Nam tham gia vào Công ước CITES năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121 của công ước này.

b. Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (Công ước RAMSAR - 1971)

Công ước Ramsar nhằm bảo vệ các vùng đất ngập nước khỏi sự lấn chiếm ngày một gia tăng, sự tổn thất trong hiện tại và tương lai, đồng thời đảm bảo tính đa dạng của loài chim nước, một nguồn tài nguyên quan trọng không chỉ mang tầm cỡ quốc gia mà còn mang tầm cỡ quốc tế. Nội dung của công ước đã xác định quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên gia tham gia công ước có nghĩa vụ chỉ định ít nhất một vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế về phương diện sinh thái học, thực vật học, hồ học, thủy văn học (mà trước hết là những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng đối với loài chim nước) để đưa vào danh mục các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế. Danh mục này sẽ được lưu giữ tại văn phòng thường trực của Hội quốc tế bảo vệ thiên nhiên. Bất cứ thành viên nào của công ước cũng có quyền bổ sung vào danh mục những vùng đất ngập nước khác trong phạm vi lãnh thổ của mình.

Việt Nam đã ký gia nhập Công ước Ramsar vào năm 1989, là thành viên thứ 50, đồng thời là quốc gia đầu tiên của Đông Nam Á tham gia Công ước này.

c. Công ước Đa dạng sinh học (Công ước CBD)

Công ước được ký kết nhằm mục đích bảo toàn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững các bộ phận hợp thành của nó và phân phối công bằng hợp lý lợi ích có được nhờ việc khai thác

và sử dụng nguồn gen bao gồm cả việc tiếp cận hợp lý nguồn gen và chuyển giao thích hợp công nghệ cần thiết có tính đến các quyền sở hữu tài nguyên, công nghệ, và các nguồn tài trợ thích đáng.

Những nội dung cơ bản của công ước là các quốc gia có nghĩa vụ phải bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững các bộ phận hợp thành đa dạng sinh học. Đây là nghĩa vụ cơ bản nhất của các quốc gia trong lĩnh vực bảo vệ đa dạng sinh học. Các quốc gia có nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường khi tiến hành các dự án có thể có ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học nhằm giảm đến mức tối thiểu các hậu quả có thể xảy ra; Các quốc gia có nghĩa vụ khai thác và sử dụng hợp lý nguồn gen; Các quốc gia có nghĩa vụ cung cấp hoặc tạo thuận lợi cho việc tiếp cận và chuyển giao các công nghệ sinh học mà không gây phương hại nghiêm trọng tới môi trường. Các quốc gia cũng có nghĩa vụ cung cấp hoặc tạo điều kiện một cách công bằng nhất bao gồm cả các điều kiện nhân nhượng hoặc ưu đãi nếu cả hai bên cũng thỏa thuận cho các nước đang phát triển.

Việt Nam đã tham gia ký kết Công ước vào ngày 16/11/1994 và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trong Công ước.

1.3.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý và bảo vệ ĐVHD

Việt Nam rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường nói chung bảo vệ ĐVHD quý hiếm nói riêng, nhằm góp phần ổn định và cân bằng sinh thái, vì vậy Nhà nước đã ban hành và chỉ đạo thực hiện rất nhiều văn bản pháp luật quy định về quản lý, bảo vệ cũng như xử lý những hành vi xâm phạm đến các loài ĐVHD cụ thể là:

a. Các văn bản quy định về quản lý ĐVHD

- *Hiến pháp 2013*: Điều 43 quy định: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”; Điều 63 quy định: “1. Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; 2. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; 3. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại”.

- *Luật Lâm nghiệp 2017*: Luật có hiệu lực từ 01/01/2019. Theo đó, những hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài động vật rừng trái quy định của pháp luật bị nghiêm cấm. Đồng thời Luật cũng quy định việc khai thác, động vật rừng phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tuân theo các quy định của pháp luật về bảo tồn ĐVHD. Việc Kinh doanh, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu,

tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh thực vật rừng, động vật rừng phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

- *Luật Đa dạng sinh học 2008*: Luật dành riêng một Chương IV với 18 điều quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật. Theo đó, các loài ĐVHD sẽ được xem xét đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm bảo vệ những vật nuôi đặc hữu hoặc có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng, quy định loài hoang dã bị cấm khai thác và loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên. Luật cũng quy định về khu bảo tồn, phân cấp khu bảo tồn và những hành vi bị cấm trong khu bảo tồn.

- Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp: Nghị định quy định rất chi tiết cụ thể Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường; thực thi Công ước CITES tại Việt Nam.

- Thông tư 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (thay thế Thông tư 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 05/09/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp).

- Thông tư 90/2008/TT-BNNPTNT hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu trong đó thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục, phương thức xử lý tang vật là động vật rừng sau tịch thu của các vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 16/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo tồn hổ giai đoạn 2014 - 2022.

- Quyết định số 11/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quyết

định cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài ĐVHD thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã, nguy cấp.

- Quyết định 2713/QĐ-BNN-TCLN ban hành Kế hoạch hành động ngà voi, sừng tê giác giai đoạn 2018- 2020.

- Quyết định 1062 ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành thực thi pháp luật về kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã (VN-WEN) quy định chức năng nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của Ban chỉ đạo trong việc giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chỉ đạo công tác thực thi pháp luật về kiểm soát buôn bán động thực vật hoang dã trên phạm vi toàn quốc

- Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm (Bộ Công an đã có Kế hoạch số 215/KH-BCA ngày 07/07/2014 triển khai thực hiện Chỉ thị trên).

- Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 17/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật (NIRAP).

- Một số văn bản khác có liên quan (chỉ đạo số 16315/QLD-MP ngày 28/08/2015 của Cục quản lý dược - Bộ Y tế về tăng cường bảo vệ động vật thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Theo văn bản này, cá nhân, tổ chức công bố sản phẩm mỹ phẩm trong công thức sản phẩm có thành phần liên quan đến động vật, thực vật thuộc Danh mục động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo vệ phải cam kết các thành phần này không phải là đối tượng bị cấm khai thác thương mại theo quy định của pháp luật).

b. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ ĐVHD

- Khái niệm: Vi phạm pháp luật về ĐVHD ở đây được hiểu là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đây là các vi phạm hành chính được quy định trong các văn bản khác nhau do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các hành vi vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD.

- Về đối tượng vi phạm hành chính:

- + Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính về quản lý, bảo vệ ĐVHD.

- + Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra trong hoạt động quản lý, bảo vệ ĐVHD.

+ Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính về quản lý, bảo vệ ĐVHD trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Về hành vi vi phạm hành chính:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật gồm:

* Động vật rừng loài thông thường.

* Động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB.

* Động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB nhưng không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

+ Vận chuyển lâm sản trái pháp luật: Người có hành vi vận chuyển lâm sản (từ thời điểm lâm sản đã xếp lên phương tiện vận chuyển) không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản thực tế vận chuyển không phù hợp với hồ sơ đó, bao gồm:

* Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng thuộc loài thông thường.

* Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB.

* Số cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 01 đến 02 cá thể lớp chim, bò sát hoặc động vật lớp khác thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

* Ngà voi, sừng tê giác.

+ Tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái phép: Người có hành vi tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản không đúng với nội dung hồ sơ đó, bao gồm:

* Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng thuộc loài thông thường.

* Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB.

* Số cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của cá thể lớp thú hoặc lớp chim, bò sát hoặc động vật lớp khác thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB không thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

* Ngà voi, sừng tê giác.

- Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các nhóm hành vi này căn cứ vào giá trị của từng loài, số lượng cá thể tại thời điểm bắt giữ, xử lý được quy đổi thành tiền để xác định mức xử phạt cho tương xứng với hành vi vi phạm cũng như hậu quả mà đối tượng gây ra. Số lượng và giá trị đó phải dưới mức xử lý hình sự được quy định tại điều 234 và 244 -Bộ luật Hình sự 2015.

c. Các văn bản quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính

- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012: Luật xử lý vi phạm hành chính quy định về các hành vi vi phạm hành chính, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Các quy định này có liên quan đến việc áp dụng các hình thức, biện pháp xử lý, trình tự, thủ tục và mức phạt tiền...đối với các hành vi vi phạm hành chính về quản lý, bảo vệ ĐVHD.

- Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/04/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định 103/2013/NĐ-CP ngày 12/09/2013 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

d. Quy định về tội phạm liên quan đến ĐVHD trong Bộ luật Hình sự

Tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) gồm 02 tội danh là Điều 234: Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD thuộc Chương XVIII – Chương các tội phạm về kinh tế và Điều 244: Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm Chương XIX – Chương các tội phạm về môi trường.

Căn cứ vào quy định tại Điều 8 - Bộ luật Hình sự 2015 và những quy định tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, có thể hiểu: *Tội phạm vi phạm về bảo vệ ĐVHD là các hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ ĐVHD mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.*

Đặc điểm pháp lý:

- *Về khách thể:* Tội phạm này xâm phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý, bảo vệ ĐVHD nói riêng.

Đối tượng tác động của tội phạm này bao gồm: Các loài động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của CITES; các loài ĐVHD thuộc Nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II, Phụ lục III của CITES.

- *Về mặt khách quan:*

Đối với tội vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD (Điều 234), người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một trong các hành vi sau:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc ĐVHD khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thu lợi bất chính hoặc trị giá dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Đối với tội vi phạm về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244), cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc một số hành vi sau đây:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

* Săn bắt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm là dùng các loại vũ khí hoặc phương tiện khác để bắt sống hoặc có thể bắn chết.

* Nuôi, nhốt là việc đưa (mang) động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống đem đi giam cầm, nhốt giữ hoặc chăm nuôi mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc cho phép nuôi, nhốt.

* Vận chuyển động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi dịch chuyển ĐVHD quý hiếm từ nơi này sang nơi khác bằng bất cứ phương tiện gì, không bao gồm hành vi buôn bán, nếu người buôn bán ĐVHD quý hiếm đồng thời vận chuyển động vật đó thì chỉ coi là buôn bán.

* Buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là mua để bán ĐVHD quý hiếm nhằm thu lợi nhuận. Nếu săn bắt được ĐVHD quý hiếm rồi bán lại cho người khác thì không coi là buôn bán.

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này.

* Tàng trữ là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm.

+ Ngà voi có khối lượng từ 02 kg đến dưới 20 kg; sừng tê giác có khối lượng từ 0,05 kg đến dưới 01 kg.

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác.

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm c khoản này.

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật có số lượng

dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- *Về mặt chủ quan*: Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp). Người phạm tội nhận thức rõ hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD của mình, thấy trước và mong muốn hậu quả xảy ra hoặc tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Động cơ mục đích phạm tội nhằm tư lợi (cá nhân, pháp nhân thương mại).

- *Về chủ thể*:

+ Là cá nhân: Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của Bộ luật Hình sự.

+ Là pháp nhân thương mại: Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Bộ luật Hình sự.

- *Về hình phạt*: Được quy định tại Điều 244, Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội vi phạm các quy định quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm và Điều 234 - Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD.

e. Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 234 và Điều 244 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Hội đồng thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 có hiệu lực từ ngày 01/12/2018 nhằm cung cấp các hướng dẫn về việc áp dụng các quy định về ĐVHD của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cụ thể là Điều 234: Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và Điều 244: Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

- Nghị quyết đưa ra hướng dẫn nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự trong xử lý tội phạm về ĐVHD. Trước khi văn bản hướng dẫn được ban hành, một số vụ việc bị tạm hoãn do các hiểu biết chung về một số điều khoản chính của BLHS còn thiếu hụt và chưa rõ ràng. Do đó, việc ban hành Nghị quyết là vô cùng quan trọng để xác định việc áp dụng BLHS một cách chính xác và hiệu quả. Nghị quyết cung cấp các định nghĩa quan trọng về các thuật ngữ “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống”, “sản phẩm của động vật hoang dã” hay “động vật lớp khác” cũng như làm rõ các áp dụng một số tình tiết định khung hình phạt như “lợi dụng chức vụ quyền hạn”, “vận chuyển, buôn bán qua biên giới” để hỗ trợ công tác điều tra và truy tố tội phạm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Điều 234, 244 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đồng thời bổ sung thêm hành vi “tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm”. Việc này đòi hỏi các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra, truy tố cần xác định rõ thời điểm “tàng trữ”. Theo đó, điều 4 nghị quyết quy định “Đối với hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản

phẩm của loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự”. Mọi hành vi tàng trữ trước ngày 01/01/2018 sẽ “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán thu lợi bất chính”.

- Nghị quyết đồng thời đưa ra hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp xác định là hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm phân biệt giữa tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm với các hành vi trộm, cắp tài sản.

Ví dụ 1: Nguyễn Văn A trộm cắp 10 kg ngà voi trị giá 130 triệu đồng, sau đó A đi bán cho Nguyễn Văn B thì bị bắt quả tang. Trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản và tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Ví dụ 2: Nguyễn Văn C trộm cắp 10 kg ngà voi trị giá 130 triệu đồng. Trong khi C đang vận chuyển đi cất giấu thì bị phát hiện bắt giữ. Trường hợp này, C chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Theo điều 6 Nghị quyết, đối với trường hợp thu giữ được nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc các lớp khác nhau nhưng chưa đủ số lượng theo từng lớp quy định tại Điều 244 thì người có hành vi vi phạm sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mà chỉ bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

1.3.2. Quy định về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử

1.3.2.1. Các văn bản quy định về việc xử lý tang vật là ĐVHD

- BLTTHS 2015 (Điều 106 khoản 3 điểm d quy định về xử lý vật chứng là ĐVHD).
- Luật quản lý, sử dụng tài sản công (quy định về xử lý bảo quản tang vật là lâm sản quý hiếm).
- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng điều 234 và điều 244 (*Điều 7 quy định về xử lý vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng*).
- Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Điều 10 về xử lý mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm sau tịch thu).
- Thông tư 90/2008/TT-BNN ngày 28/08/2008 hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu (Thông tư thay thế hiện đang được xây dựng trình Chính phủ thông qua,

ban hành).

- Hướng dẫn của Liên minh Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế (IUCN) về việc xử lý đối với ĐVHD còn sống sau khi bị tịch thu dưới góc độ phục vụ cho mục đích bảo tồn. Theo đó, có một số giải pháp sau: Chuyển đến các trung tâm cứu hộ, thả lại tự nhiên, tiêu hủy nhân đạo.

Theo đó, việc xử lý mẫu vật sau tịch thu được áp dụng đối với mẫu vật sống và mẫu vật là động vật đã chết hoặc bộ phận cơ thể của chúng. Cụ thể như sau:

- Đối với mẫu vật sống:

+ Việc xử lý tịch thu phải chăm sóc mẫu vật, tránh rủi ro để mẫu vật chết.

+ Ngay sau xử lý, phải bàn giao cho cơ quan kiểm lâm sở tại để tổ chức chăm sóc và bảo quản mẫu vật. Xử lý theo thứ tự ưu tiên sau: thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật hoặc vườn thực vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ; hoặc tiêu hủy nếu mẫu vật mắc bệnh có khả năng lây lan.

- Đối với mẫu vật chết hoặc bộ phận cơ thể của chúng:

+ Đối với loài nhóm IB và phụ lục I CITES: chuyển cho cơ quan quản lý chuyên ngành bảo quản.

+ Đối với loài nhóm IIB và phụ lục II CITES: chuyển giao cho tổ chức khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành để trưng bày vì mục đích giáo dục bảo tồn; bán đấu giá cho tổ chức, cá nhân nuôi trồng chế biến, kinh doanh theo quy định của pháp luật; hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp xử lý khác.

1.3.2.2. Các văn bản quy định về hoạt động phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về ĐVHD

- *BLTTHS 2015*: Bộ luật quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra, xử lý tội phạm nói chung trong đó có xử lý về tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD.

- *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015*: Luật này quy định về nguyên tắc tổ chức Điều tra hình sự; tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Điều tra; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Điều tra viên và các chức danh khác trong Điều tra hình sự; quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát trong hoạt động Điều tra hình sự; bảo đảm Điều kiện cho hoạt động Điều tra hình sự và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ

trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu giữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

- Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa.

1.3.2.3. Các văn bản quy định về hoạt động phát hiện, điều tra có liên quan đến tội phạm về ĐVHD của lực lượng Công an

- Luật Công an nhân dân năm 2014 (sửa đổi năm 2018).
- Pháp lệnh Cảnh sát môi trường năm 2014.
- Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường.
- Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/08/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.
- Quyết định số 151/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/11/2008 ban hành “Quy chế áp dụng biện pháp công tác nghiệp vụ trong phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân”.

- Thông tư 56/2017/TT-BCA ngày 16/11/2017 Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện và Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10/08/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 56/2017/TT-BCA.

1.3.2.4. Các văn bản quy định về hoạt động xét xử tội phạm liên quan đến ĐVHD

- Quy định của Hiến pháp năm 2013: Các điều 31, 102, 103, 104, 105, 106 và 107.
- Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.
- Quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Quy định của Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng: Năm 2015, Quốc hội đã sửa đổi BLHS 1999 ban hành BLHS 2015, trong đó có 2 điều liên quan đến việc quản lý, bảo vệ ĐVHD là Điều 234 và Điều 244.



PHẦN 2. KỸ NĂNG XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT HIỆN, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ VÀ XÉT XỬ TỘI PHẠM VỀ ĐVHD



2.1. Tiếp nhận, xử lý thông tin ban đầu và bắt giữ tội phạm về ĐVHD

2.1.1. Các bước cần phải tiến hành trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin ban đầu và bắt giữ tội phạm về ĐVHD

2.1.1.1. Phát hiện thông tin

- Nội dung thông tin, tài liệu cần thu thập: Thông tin, tài liệu phản ánh về tội phạm nói chung, tội phạm có liên quan đến ĐVHD nói riêng rất đa dạng. Tuy nhiên để phục vụ cho công tác phòng ngừa, ngăn chặn cũng như điều tra khám phá, xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD, các thông tin cần thu thập bao gồm:

+ Các thông tin, tài liệu phản ánh về hoạt động phạm tội có liên quan đến ĐVHD như đối tượng gây án, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, loài động vật bị xâm hại...

+ Các thông tin, tài liệu về các đối tượng nghi vấn có liên quan như về hành vi (chuan bị công cụ săn, bắt, chế biến sản phẩm ĐVHD, phương tiện vận chuyển, nuôi, nhốt, tàng trữ; các hình thức giao dịch mua bán, trao đổi...); nghi vấn về kinh tế do buôn bán ĐVHD, thời gian xuất hiện, quan hệ với các đối tượng phạm tội, đối tượng bị bắt giữ,...;

+ Các thông tin, tài liệu về đối tượng tiêu thụ ĐVHD như buôn bán nguyên con hay sản phẩm; phương thức trao đổi, mua bán ĐVHD hoặc sản phẩm của chúng, địa bàn tiêu thụ...;

+ Các thông tin, tài liệu về đường dây, ổ nhóm vận chuyển ĐVHD như số lượng đối tượng tham gia, thời gian, phương tiện vận chuyển, cách thức che dấu, ngụy trang ĐVHD.

- Phương pháp thu thập thông tin:

+ Thông qua công tác quản lý địa bàn chủ động nắm tình hình: Các lực lượng chức năng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công phải chủ động công tác điều tra nghiên cứu, nắm tình hình trên các tuyến, địa bàn nhằm phát hiện những thông tin tài liệu có liên quan đến tội phạm, vi phạm pháp luật về ĐVHD. Đây là một hoạt động có ý nghĩa quan trọng, trong nhiều trường hợp có ý nghĩa quyết định đến các hoạt động nghiệp vụ tiếp theo.

+ Thông qua công tác điều tra nghiên cứu, nắm tình hình: hoạt động này giúp cho các lực lượng chức năng có điều kiện tiếp cận với địa bàn, tuyến trọng điểm về buôn bán ĐVHD, xác định loại đối tượng có liên quan đến tội phạm, vi phạm pháp luật về ĐVHD như săn bắt, bẫy, giết, nuôi nhốt trái phép hoặc buôn bán bất hợp pháp... trong từng thời điểm. Từ đó xây dựng kế hoạch thu thập các thông tin, tài liệu, tiến hành mở hồ sơ theo dõi, quản lý phục vụ công tác

phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật về ĐVHD.

+ Rà soát, phát hiện và tiến hành quản lý các đối tượng có khả năng hoặc có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm, vi phạm pháp luật về ĐVHD. Thông qua công tác nắm tình hình, các lực lượng chức năng tiến hành rà soát, phát hiện những đối tượng có những biểu hiện nghi vấn có liên quan đến buôn bán ĐVHD hoặc những đối tượng có việc làm liên quan đến các hoạt động khai thác rừng, thăm dò, khảo sát khoáng sản hoặc những đối tượng sinh sống quanh rừng (cần chú ý đến những loại người thường xuyên vào rừng không có lý do, những đối tượng được cấp phép nuôi, nhốt, gây giống ĐVHD thông thường) ... những đối tượng này thường xuyên xuất hiện tại những địa bàn, địa điểm, khu vực sinh sống, trú ngụ, sinh sản của các loài ĐVHD (nhất là những loài thuộc nguy cấp, quý, hiếm thuộc NĐ 160/2013/NĐ-CP và danh mục nhóm IB thuộc NĐ 06/2019/NĐ-CP) mà không có lý do chính đáng.

Trên cơ sở đó, các lực lượng chức năng lập danh sách các đối tượng (cá nhân, tổ chức) để theo dõi, quản lý và thu thập các thông tin, tài liệu về các biểu hiện nghi vấn phạm tội của các đối tượng. Căn cứ vào đặc điểm hoạt động của các đối tượng mà các lực lượng chức năng áp dụng (hoặc tiến hành) các biện pháp quản lý nhằm kiểm soát các hoạt động nghi vấn phạm tội của đối tượng có liên quan để từ đó chủ động ngăn chặn các hành vi phạm tội. Trong đó cần chú ý phát hiện các đối tượng cầm đầu, chủ mưu trong các hoạt động săn bắt, giết mổ và buôn bán ĐVHD trái phép.

+ Thông qua lực lượng cộng tác viên bí mật: Các lực lượng chức năng cần chủ động tiến hành xây dựng, sử dụng lực lượng cộng tác viên bí mật đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng được bố trí hợp lý trên tuyến, địa bàn trọng điểm về tội phạm và vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD sẽ giúp cho các lực lượng chức năng chủ động phát hiện được đối tượng phạm tội hoặc các thông tin, tài liệu phản ánh về hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật về lĩnh vực này.

+ Thông qua các hoạt động trinh sát: Các hoạt động trinh sát như trinh sát xác minh, trinh sát ngoại tuyến, trinh sát nội tuyến, trinh sát kỹ thuật, trinh sát mật phục đều có thể phát hiện và thu thập được thông tin về tội phạm, vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD. Mỗi một hoạt động trinh sát có vai trò, tác dụng khác nhau trong từng hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn cũng như điều tra khám phá tội phạm vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD.

+ Khai thác đối tượng vi phạm: Thông qua khai thác đối tượng phạm tội về quản lý, bảo vệ ĐVHD trong các vụ án hoặc các đối tượng vi phạm hành chính để phát hiện các đối tượng có hành vi vi phạm và tội phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD. Thông qua công tác giáo dục phạm nhân bị xử lý về tội phạm liên quan đến ĐVHD để phát hiện các đối tượng, đường dây có biểu hiện

nghi vi phạm tội hoặc đã có hành vi phạm tội về buôn bán ĐVHD mà cơ quan chức năng chưa phát hiện.

+ Một số hoạt động phát hiện thông tin, tài liệu khác: Thông qua trao đổi thông tin với các cơ quan chức năng có liên quan để phát hiện tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD như giữa lực lượng Kiểm lâm với lực lượng Công an, Quản lý thị trường, Thanh tra chuyên ngành. Ngoài ra thông qua phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ rừng, quản lý lâm sản hoặc phong trào quần chúng tố giác tội phạm để thu thập, phát hiện các thông tin về tội phạm, vi phạm pháp luật về ĐVHD.

2.1.1.2. Tiếp nhận, xử lý thông tin

a. Tiếp nhận thông tin

- *Nguồn tin:* Trong thực tế, các lực lượng chức năng trong phạm vi thẩm quyền có thể nhận được thông tin từ các nguồn sau:

+ Do công dân tố giác: Đây là những thông tin mà người biết, chứng kiến sự việc liên quan đến các hoạt động phạm tội hoặc vi phạm pháp luật về ĐVHD tố giác cho lực lượng chức năng. Người báo tin có thể là hàng xóm, khách du lịch, lái xe, nhân viên nhà hàng,...

+ Do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội chuyển giao: đây là những thông tin phản ánh về tội phạm do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức trực tiếp phát hiện qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ ĐVHD của các ngành, các đoàn thể, tổ chức đó phát hiện có dấu hiệu của tội phạm chuyển cho lực lượng chức năng tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Bên cạnh đó, thông tin có thể do các tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo vệ ĐVHD như: Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN); Quỹ bảo vệ thiên nhiên quốc tế (WWF); Trung tâm Giáo dục thiên nhiên (ENV), Tổ chức WCS... hoặc thông qua Interpol, Aseanapol cung cấp, chuyển giao.

+ Nguồn tin khai thác từ các phương tiện thông tin đại chúng: đây là những thông tin phản ánh về hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật của các cá nhân, đường dây, tổ chức buôn bán ĐVHD trái phép được các cơ quan thông tin đại chúng phản ánh dưới các hình thức như: Bài viết, phóng sự, tin... đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo chí, vô tuyến truyền hình, đài phát thanh, mạng internet,... Những nội dung này được các cán bộ có thẩm quyền trực tiếp khai thác, phát hiện.

+ Nguồn tin từ các hoạt động nghiệp vụ của lực lượng chức năng phát hiện hoặc từ các lực lượng khác chuyển giao có liên quan đến hoạt động buôn bán ĐVHD trái phép.

+ Người vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD ra tự thú về hành vi phạm tội của mình và tố giác hành vi phạm tội của các đối tượng khác.

- *Tiếp nhận tố giác, tin báo*: Việc tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm về bảo vệ ĐVHD phải đảm bảo theo đúng quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn đề ra:

+ Đối với những trường hợp do quần chúng nhân dân trực tiếp đến trụ sở lực lượng Cảnh sát môi trường báo tin thì cán bộ trực ban khi tiếp nhận nguồn tin phải ghi rõ vào sổ trực ban với các nội dung như: ngày, giờ nhận tin họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người báo tin, loài ĐVHD hoặc sản phẩm của chúng mà họ biết (bằng cảm quan, kinh nghiệm hay bằng phương tiện); những đề nghị, đề xuất của người báo tin (nếu có). Trong trường hợp quần chúng đến báo tin bằng miệng thì cán bộ tiếp nhận đề nghị họ viết đơn tố giác cho lực lượng chức năng. Trong các điều kiện cụ thể, cần tiến hành ghi lời khai của người báo tin, trong đó cần làm rõ chi tiết về nội dung tin tố giác, động cơ, mối quan hệ với người bị tố giác, họ đã trình báo ở những đâu? cơ quan nào? yêu cầu họ cam đoan về tin báo...

+ Đối với những trường hợp quần chúng gọi điện báo cáo cho lực lượng chức năng ngoài những nội dung tiếp nhận thông tin như trên cần hỏi rõ số điện thoại họ gọi đến, nếu cần thiết gặp lại thì gặp ở đâu, số điện thoại nào?

+ Đối với những tin báo tố giác do các cơ quan, tổ chức xã hội chuyển đến, cán bộ tiếp nhận nguồn tin cần ghi rõ vào sổ trực ban về việc tiếp nhận nguồn tin. Trường hợp gửi công văn phải ghi vào sổ công văn, nội dung công văn. Nếu có tài liệu, đồ vật có liên quan đến tội phạm phải lập biên bản bàn giao (hoặc biên bản tạm giữ) theo đúng thủ tục pháp luật.

+ Đối với những thông tin khai thác qua các phương tiện thông tin đại chúng, cán bộ khai thác thông tin cần ghi rõ cơ quan đăng tải thông tin, nội dung thông tin, ngày, giờ phát hành, tác giả...

+ Các trường hợp tin báo do các lực lượng nghiệp vụ khác chuyển giao cũng phải ghi rõ vào sổ nhận tin với các nội dung gồm ngày, giờ nhận tin; nội dung thông tin, đơn vị cung cấp, cán bộ trực tiếp chuyển giao, hình thức cung cấp thông tin (bằng công văn, điện thoại hay điện mật...).

+ Những thông tin được phát hiện qua các hoạt động nghiệp vụ trinh sát hoặc của công tác viên bí mật cung cấp. Sau khi xác minh phải viết báo cáo bằng văn bản, báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền. Những tin do cộng tác viên bí mật cung cấp yêu cầu viết báo cáo, trinh sát xác minh xong viết báo cáo kèm theo báo cáo của cộng tác viên bí mật gửi Lãnh đạo có thẩm quyền xử lý, chỉ đạo tiếp. Những cán bộ tiếp nhận thông tin sau khi tiếp nhận phải viết báo cáo, đề xuất lãnh

đạo có thẩm quyền đề xin ý kiến chỉ đạo tiếp theo.

b. Kiểm tra xác minh thông tin

Để kiểm tra xác minh các thông tin thu được từ các nguồn nêu trên, lực lượng Cảnh sát môi trường có thể sử dụng các biện pháp xác minh cụ thể sau:

- + Kiểm tra xác minh trực tiếp từ người tố giác: Để kiểm tra tính xác thực của thông tin qua người tố giác, cán bộ tiếp nhận nguồn tin cần hỏi kỹ người cung cấp thông tin về nội dung tin báo về trường hợp phát hiện, về quan hệ với đối tượng thực hiện hành vi ... Chú ý phát hiện những mâu thuẫn trong quá trình họ trình bày, yêu cầu giải thích rõ để làm sáng tỏ mâu thuẫn từ đó làm rõ sự thật của nguồn tin.

- + Thông qua lực lượng Công an cơ sở để kiểm tra, xác minh: Lực lượng Cảnh sát môi trường có thể trực tiếp xuống địa bàn cơ sở nơi tố giác có hành vi phạm tội xảy ra hoặc qua điện thoại đề nghị xác minh làm rõ những nội dung tố giác có đúng sự thật hay không? Mức độ chính xác như thế nào?...

- + Trường hợp thông tin về tội phạm được phản ánh qua các phương tiện thông tin đại chúng: Lực lượng chức năng cần đến nơi đã đăng tải thông tin để hỏi rõ những nội dung cần thiết, gặp gỡ tác giả của nguồn tin, làm rõ những vấn đề theo yêu cầu nghiệp vụ, đề nghị họ giải thích những nội dung chưa rõ ràng, ...

- + Sử dụng các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn để xác minh: Thông qua công tác kiểm tra công khai, nhận dạng ban đầu về ĐVHD hoặc giám định, phân tích mẫu, phân tích gen, sử dụng các hoạt động nghiệp vụ để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, xác minh phải có kết luận cụ thể, rõ ràng về nội dung tố giác, tố giác có tội phạm hay không. Việc kiểm tra, xác minh phải được tiến hành khẩn trương và kịp thời nhưng cũng phải đảm bảo thận trọng, khách quan và đảm bảo yếu tố bí mật trong quá trình xác minh.

c. Xử lý thông tin

Trên cơ sở kết quả xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, lực lượng Cảnh sát môi trường tiến hành xây dựng các phương án, kế hoạch cụ thể đối với từng tình huống như:

- + Tổ chức các hoạt động ngoại tuyến tiếp theo để thu thập, củng cố thông tin.

- + Đối với các thông tin, tài liệu chưa đủ các căn cứ làm rõ toàn bộ tổ chức, đường dây phạm tội về quản lý, bảo vệ ĐVHD thì thực hiện chiến thuật vận chuyển có kiểm soát và tiến hành bắt giữ khi cần thiết.

+ Đối với các trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD xảy ra nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự (không phạm tội) phải có kế hoạch củng cố hồ sơ, tài liệu đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền xử lý hành chính theo quy định.

+ Trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD xảy ra có đủ dấu hiệu của tội phạm, đề xuất khởi tố vụ án, tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tài liệu, hoàn chỉnh hồ sơ ban đầu chuyển cơ quan điều tra có thẩm quyền.

+ Trường hợp có dấu hiệu của tội phạm về bảo vệ ĐVHD có tính chất rất nghiêm trọng, đối tượng phạm tội có thủ đoạn hoạt động tinh vi, xảo quyệt hoặc có tính chất phức tạp (số lượng lớn, phạm vi hoạt động rộng, nhiều đối tượng tham gia,...) cần có đề xuất xác lập chuyên án để tổ chức đấu tranh.

2.1.2. Một số bài tập tình huống

a. Bài số 1

Ngày 08/08/2018, tổ công tác liên ngành gồm Đội Cảnh sát môi trường - Công an Quận B, Đội Quản lý thị trường số 3 và Đội 5- Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã tạm dừng xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C-813.XX có dấu hiệu vi phạm luật giao thông đường bộ. Tiến hành kiểm tra, tổ công tác liên ngành phát hiện lái xe là Phạm Xuân Cương (sinh năm 1977, quê ở Đông Anh - Hà Nội) là chủ phương tiện đang vận chuyển 14 cá thể thuộc họ Vích và 30,5 kg nghi là vảy tê tê. Tổ công tác yêu cầu lái xe xuất trình giấy tờ chứng minh nguồn gốc số hàng hóa trên nhưng chủ phương tiện nói là chở thuê cho một người tên là K ở Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội. Tổ công tác lập biên bản về hành vi vi phạm nêu trên và chuyển toàn bộ người cùng tang vật vi phạm về Đội Cảnh sát môi trường Công an Quận B để giải quyết.

Câu hỏi: Là cán bộ được giao nhiệm vụ tiếp nhận vụ việc trên, đồng chí phải làm những công việc gì?

b. Bài số 2

Ngày 27/12/2018, tại xã N, huyện P, Tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát môi trường - Công an thành phố H do đồng chí Nam làm tổ trưởng phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông - Công an huyện P ra hiệu lệnh kiểm tra xe ô tô BKS 29C-022.XX có dấu hiệu vi phạm Luật giao thông đường bộ. Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện lái xe là Lê Văn Sinh, sinh 1975, trú tại số 8, phường X, quận Y, thành phố Hà Nội đang chở trên xe động vật không rõ nguồn gốc. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và thu giữ 02 cá thể thuộc họ mèo có hình dáng giống hổ

đang ướp đá, 35 kg xương động vật, 09 mai rùa.

Sau khi hoàn tất các thủ tục có liên quan, đồng chí Nam đã làm báo cáo trình lãnh đạo. Trong đó đề xuất lãnh đạo Phòng Cảnh sát môi trường ra quyết định trưng cầu số tang vật tạm giữ trên để làm căn cứ khởi tố vụ án và tiến hành các hoạt động điều tra tiếp theo.

Với những thông tin nêu trên, theo đồng chí:

- + Việc lập biên bản phạm pháp quả tang của Tổ công tác là đúng hay sai? Vì sao?
- + Đề xuất của đồng chí Nam nêu trên đúng hay sai? Vì sao?
- + Là cán bộ chỉ huy đội, đồng chí chỉ đạo cán bộ tiếp tục phải làm những công việc gì để giải quyết vụ việc trên đúng người, đúng tính chất hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật?
- + Đồng chí cần đề xuất gì với lãnh đạo cấp trên khi giải quyết vụ việc?

2.2. Điều tra thu thập chứng cứ theo quy trình tố tụng hình sự

2.2.1. Quy trình tiến hành điều tra

2.2.1.1. Hoạt động điều tra ban đầu theo chức năng của lực lượng Cảnh sát môi trường

a. Khởi tố vụ án vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD

Tiến hành khởi tố vụ án khi có dấu hiệu của tội phạm được quy định tại các Điều 234, 244 - Bộ luật Hình sự 2015. Căn cứ vào các hành vi khách quan như:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (như IB, IIB của Nghị định 06/2019/NĐ-CP hoặc Phụ lục I, II của CITES).

Chú ý: Đối với điểm a,b,c của điều 234 cần xác định giá trị (tiền) tại thời điểm đó của các loài động vật bị xâm hại làm căn cứ khởi tố tội danh cho chính xác.

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; ngà voi có khối lượng từ 02 kg đến dưới 20 kg; sừng tê giác có khối lượng từ 0,05 kg đến dưới 01 kg.

+ Săn bắn, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép: từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 7 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác (vi phạm vào các điểm d, đ của Điều 244).

+ Các mục a,b,c của khoản 1 Điều 234 (tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và mục a, b, c, d của khoản 5 (săn bắt, giết, nuôi nhốt vận chuyển buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý hiếm nhóm IIB Nghị định 06/2019/NĐ-CP hoặc Phụ lục 2 của CITES).

Để có căn cứ chính xác về ĐVHD thuộc nhóm, loài nào đối với 02 tội danh 234, 244 cần phải giám định, xác định chủng loại, số lượng cụ thể trước khi khởi tố vụ án.

+ Đối tượng bị khởi tố là cá nhân hoặc pháp nhân thương mại theo quy định của Bộ luật Hình sự 2015 và sửa đổi bổ sung 2017.

b. Khám nghiệm hiện trường

+ Hiện trường: là nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm. Xác định nơi cần khám xét, xác định phạm vi cụ thể của hiện trường để tổ chức các chiến thuật khám nghiệm phù hợp nhằm phát hiện, thu giữ được nhiều dấu vết, đồ vật phục vụ cho hoạt động điều tra. Tùy theo từng vụ việc mà xác định các dấu vết, vật chứng cụ thể.

+ Quá trình khám nghiệm hiện trường đảm bảo tuân thủ theo đúng quy trình trong phát hiện, thu giữ, bảo quản dấu vết, vật chứng của vụ án đang tiến hành điều tra.

c. Lấy lời khai

Đây là hoạt động không thể thiếu được trong công tác điều tra. Thông thường trong các vụ án ĐVHD (điều 234, 244), hoạt động lấy lời khai tiến hành với những nhóm sau:

- + Người làm chứng: Người biết các sự việc cụ thể về vụ án.
- + Người có liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc.
- + Đối tượng thực hiện hành vi phạm tội: Là những người vi phạm hoặc pháp nhân thương mại (người trong pháp nhân thương mại thực hiện hành vi) vào các Điều 234, 244 - Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tùy theo nhóm đối tượng lấy lời khai mà xác định nội dung, biện pháp chiến thuật lấy lời khai khác nhau. Quá trình lấy lời khai phải đảm bảo tuân thủ theo những quy định của BLTTHS 2015.

d. Khám xét

- Là một biện pháp điều tra mà lực lượng Cảnh sát môi trường được tiến hành theo các quy định của pháp luật. Trước khi khám xét phải xin lệnh của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT), người có thẩm quyền trong Cơ quan CSĐT (thủ trưởng, phó thủ trưởng).

+ Khám xét người: Trong trường hợp xác định đối tượng đang cất giấu tài liệu, vật chứng của vụ án trong người như: Giấy tờ có liên quan đến hoạt động phạm tội, ĐVHD hoặc sản phẩm ĐVHD (sừng tê giác, đồ trang sức làm bằng ngà voi...).

+ Khám xét nơi ở, nơi làm việc của đối tượng: các tài liệu, giấy tờ chứng minh đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội về ĐVHD.

+ Khám xét công cụ, phương tiện dùng để chuyên chở ĐVHD, giết mổ, chế biến ĐVHD, nuôi, nhốt, săn bắt, bày... Với phương tiện vận chuyển, cần chú ý đảm bảo phương tiện ở chế độ an toàn khi đỗ xe, tắt máy, cài phanh...

- Việc khám xét phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật (có lệnh, lập biên bản khám xét, có người làm chứng, đại diện chính quyền địa phương...)

- Xác định những tài liệu, đồ vật cần thu giữ trong từng trường hợp cụ thể khi khám người, nhà ở, nơi làm việc và phương tiện của đối tượng. Đảm bảo tuân thủ quy trình, chiến thuật nghiệp vụ và các thủ tục của BLTTHS 2015.

e. Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu trực tiếp liên quan đến vụ án

Trong mỗi vụ án khác nhau, đồ vật, tài liệu trực tiếp có liên quan đến vụ án cũng khác nhau. Vì vậy, khi thực hiện quyền hạn này, lực lượng Cảnh sát môi trường cần xác định những đồ vật, tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án để thu giữ, tạm giữ để phục vụ cho hoạt động điều tra.

+ Đối với các hành vi săn bắt, giết mổ, chế biến ĐVHD: súng, công cụ, phương tiện để săn bắt ĐVHD mà đối tượng sử dụng, công cụ giết mổ, công cụ dùng để chế biến, chế tác...

+ Đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển: các phương tiện vận chuyển ĐVHD, lồng nhốt, ...

+ Đối với hành vi mua bán: các cá thể ĐVHD hoặc sản phẩm ĐVHD, tiền dùng trong giao dịch mua bán...

f. Kết thúc điều tra theo thẩm quyền: sau 7 ngày kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án, lực lượng Cảnh sát môi trường chuyển toàn bộ hồ sơ cho cơ quan CSĐT có thẩm quyền để tiến hành các hoạt động điều tra tiếp theo.

2.2.1.2. Công tác điều tra theo trình tự tổ tụng hình sự do cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện

a. Tiếp nhận hồ sơ vụ việc do lực lượng chức năng chuyển giao (Cảnh sát môi trường, kiểm lâm,...): Lập biên bản tiếp nhận hồ sơ vụ việc (kiểm tra các loại tài liệu có trong hồ sơ vụ việc chuyển giao), lập biên bản tiếp nhận người bị tạm giữ, vật chứng, đồ vật tài liệu khác có liên quan đến vụ án mà lực lượng chức năng chuyển giao.

b. Ra quyết định phân công điều tra

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, cơ quan điều tra làm thủ tục báo cáo Thủ trưởng Cơ quan CSĐT (cấp huyện hoặc cấp tỉnh) ký phân công Phó thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra:

+ Phó thủ trưởng cơ quan điều tra được phân công ký các quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự (trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa khởi tố), Quyết định khởi tố bị can, Quyết định tạm giữ, Lệnh tạm giam đối với đối tượng chính về tội Vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD (Điều 234) hoặc tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244) của Bộ luật Hình sự, ra Quyết định trưng cầu giám định tư pháp gửi Viện Khoa học hình sự của Bộ Công an để giám định, xác định thành phần, tên khoa học đối với số vật chứng thu giữ được (ĐVHD, sản phẩm của ĐVHD,...), trao đổi, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp

thu thập thêm các tài liệu chứng cứ bằng các biện pháp tố tụng cần thiết phải có sự tham gia của Viện kiểm sát như tài liệu nhận dạng của các đối tượng liên quan, phê chuẩn các lệnh thu giữ dữ liệu điện tử, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam, hỏi cung bị can, ghi lời khai đầu tranh làm rõ hành vi của các đối tượng đồng phạm.

+ Điều tra viên, cán bộ điều tra tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định gồm i) Hỏi cung bị can: căn cứ vào tài liệu thu thập được, nghiên cứu đặc điểm nhân thân đối tượng để có chiến thuật hỏi cung phù hợp; ii) Mời người làm chứng, người biết sự việc để tiếp tục củng cố tài liệu chứng cứ. Tùy vào vụ việc cụ thể mà điều tra viên, cán bộ điều tra có thể tiến hành đối chất, nhận dạng để làm rõ vụ án.

c. Sơ kết điều tra

Sau khi hoàn tất các thủ tục tố tụng cần thiết, điều tra viên, cán bộ điều tra được giao thụ lý vụ án tiến hành sơ kết điều tra, đánh giá lại toàn bộ tài liệu chứng cứ thu thập được. Sau đó, báo cáo Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT để xin ý kiến chỉ đạo kết luận điều tra vụ án, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, đề nghị truy tố bị can theo tội danh và điều luật để khởi tố trước Tòa án nhân dân cùng cấp. Quá trình tiến hành điều tra vụ án, cơ quan điều tra phải thường xuyên phối hợp với lực lượng chức năng như Cảnh sát môi trường, Kiểm lâm,... để củng cố chứng cứ, hồ sơ tài liệu trong quá trình điều tra.

2.2.2. Một số bài tập tình huống

a. Bài số 1

Hồi 8 giờ 15 phút, ngày 22/08/2018, trực ban Công an huyện H, tỉnh T tiếp nhận thông tin của một người dân trực tiếp cung cấp với nội dung như sau:

Theo người báo tin, khoảng 5h30 cùng ngày, khi đang đi vào rừng thuộc thôn Tấu, xã Phù Lưu để tìm kiếm mật ong thì anh ta phát hiện có một nhóm đối tượng đang khiêng 02 bao tải dứa có biểu hiện nghi vấn đi ra khỏi rừng. Dừng lại quan sát, người này nhìn thấy phần đầu của một loại động vật (nghi là phần đầu của con hổ) thò ra từ trong một bao tải dứa và một số động vật khác cùng các dụng cụ nghi là để săn bắt thú rừng. Nghi đây là nhóm săn bắt, buôn bán ĐVHD nên anh ta đến báo cho Công an để giải quyết.

Câu hỏi:

+ Là cán bộ trực ban tiếp nhận nguồn tin trên, đồng chí cho biết phải làm những công việc gì? Tại sao?

+ Lập kế hoạch xác minh thông tin trên?

b. Bài số 2

Ngày 05/11/2018, trinh sát Phòng Cảnh sát môi trường - Công an tỉnh P nhận được điện thoại của cộng tác viên bí mật cung cấp: có một nhóm đối tượng từ 5- 7 người lợi dụng đi du lịch lòng hồ thủy điện và tham quan khu bảo tồn để vào rừng đặc dụng săn bắt ĐVHD. Nhóm người này cất giấu dụng cụ săn bắt và ĐVHD săn bắt được vào các túi du lịch, ba lô đi phượt hoặc thuê người dân bản địa mang xuống khu vực tập kết tại khe núi thuộc xã S, huyện N, tỉnh P.

Câu hỏi:

Là cán bộ trinh sát sử dụng cộng tác viên nói trên, đồng chí cần phải làm những công việc gì?

2.3. Truy tố hành vi phạm tội và kiểm sát các vụ án liên quan đến ĐVHD

Theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và BLTTHS 2015 thì trong giải quyết các vụ án hình sự nói chung và vụ án hình sự về ĐVHD nói riêng, Viện kiểm sát nhân dân luôn có hai chức năng đó là thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự. Các chức năng này quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

2.3.1. Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát đối với các vụ án về ĐVHD

Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố đối với các vụ án về ĐVHD trong tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự, từ giai đoạn khởi tố, giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử (xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm), cụ thể gồm:

2.3.1.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố

+ Trong các vụ án về ĐVHD trong giai đoạn khởi tố nhiều trường hợp Viện kiểm sát phải khẩn trương thực hiện việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định như khám xét khẩn cấp.

+ Nguồn tin về tội phạm liên quan đến ĐVHD có những trường hợp được gửi tới các cơ quan có thẩm quyền tố tụng và cả Viện kiểm sát nên khi cần thiết Viện kiểm sát sẽ đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm.

+ Trường hợp hết thời hạn giải quyết nguồn tin nhưng cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa đủ cơ sở để tiến hành khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự thì Viện kiểm sát có trách nhiệm quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc quyết định khởi tố vụ án hình sự.

+ Trường hợp thấy có dấu hiệu của tội phạm nhưng chưa được khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự. Nếu yêu cầu của Viện kiểm sát không được thực hiện hoặc có vi phạm, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm thì Viện kiểm sát có thể trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo quy định của BLTTHS. Đối với các quyết định khởi tố của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Viện kiểm sát có thể i) Thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ

án hình sự bằng việc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật; ii) Trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên Tòa án trên một cấp; iii) Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp do BLTTHS quy định; iv) Trường hợp phát hiện có vi phạm Viện kiểm sát có trách nhiệm hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

2.3.1.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra

+ Trong quá trình điều tra nếu thấy việc khởi tố ở giai đoạn khởi tố chưa đúng thì trong giai đoạn điều tra Viện kiểm sát có trách nhiệm yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

+ Trong giai đoạn điều tra Viện kiểm sát có trách nhiệm phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.

+ Trong giai đoạn điều tra Viện kiểm sát còn có quyền tự mình khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do BLTTHS quy định.

+ Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra thể hiện bằng việc i) phê chuẩn/không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; ii) phê chuẩn/không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này; iii) hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Viện kiểm sát phải nêu rõ lý do trong quyết định với trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ.

+ Trong một số trường hợp Viện kiểm sát quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của BLTTHS.

+ Viện kiểm sát có thể đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được

giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

+ Trong giai đoạn điều tra Viện kiểm sát còn thực hành quyền công tố bằng việc trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố.

+ Viện kiểm sát sẽ trực tiếp khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

+ Ngoài ra Viện kiểm sát còn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra bằng việc quyết định thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.

2.3.1.3. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố

Trong giai đoạn truy tố Viện kiểm sát thực hành quyền công tố bằng các hoạt động và quyết định như:

+ Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can.

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết.

+ Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra.

+ Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra.

+ Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để yêu cầu điều tra bổ sung.

+ Quyết định tách, nhập vụ án, hoặc chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

+ Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.

+ Quyết định truy tố.

+ Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án/quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can/quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can.

Các vụ án về ĐVHD không phải lúc nào cũng xảy ra và bị phát hiện xử lý tại một địa phương mà nhiều trường hợp có liên quan đến nhiều địa phương khác nhau và thậm chí có yếu tố nước ngoài, xuyên quốc gia nên có trường hợp vụ án không thuộc thẩm quyền truy tố của mình, Viện kiểm sát ra ngay quyết định chuyển vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền. Việc chuyển vụ án cho Viện kiểm sát ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ngoài phạm vi quân khu do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu quyết định.

Các vụ án về ĐVHD được khởi tố theo điều 234 hoặc 244 của Bộ luật Hình sự đều thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện nếu có trường hợp ban đầu do Viện kiểm sát cấp trên thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì Viện kiểm sát cấp trên quyết định việc truy tố. Nhưng sau đó chậm nhất là 02 tháng trước khi kết thúc điều tra, Viện kiểm sát cấp trên phải thông báo cho Viện kiểm sát cấp huyện cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án để cử Kiểm sát viên (KSV) tham gia nghiên cứu hồ sơ vụ án. Ngay sau khi quyết định truy tố, Viện kiểm sát cấp trên ra quyết định phân công cho Viện kiểm sát cấp huyện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử. Sau khi nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng, Viện kiểm sát cấp huyện có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo đúng quy định của BLTTHS.

+ Viện kiểm sát tổ chức nghiên cứu hồ sơ vụ án để thực hành quyền công tố có chất lượng trong giai đoạn truy tố, qua đó KSV đưa ra những đề xuất với Lãnh đạo Viện để ra một trong các quyết định truy tố bị can trước tòa án, kiểm tra lại thủ tục tố tụng của vụ án nhằm phát hiện những sai sót, vi phạm, mâu thuẫn trong lời khai, mâu thuẫn trong tài liệu buộc tội và gỡ tội để có biện pháp khắc phục.

Một số lỗi thường gặp liên quan đến hình thức của các lệnh, quyết định, biên bản do CQĐT lập như: người lập biên bản chưa ký hoặc không có thẩm quyền ký, ĐTV không ký vào biên bản lấy lời khai, các bản tự khai không có xác nhận của ĐTV, cán bộ điều tra tiến hành hỏi

cung bị can, ngày giờ lệnh tạm giam, quyết định gia hạn tạm giữ không đúng, giờ ngày tháng lập biên bản không phù hợp với giờ kết thúc, nhiều biên bản do một ĐTV tiến hành được ghi cùng một giờ, biên bản hỏi cung, lấy lời khai có những chỗ trống hoặc tẩy xóa, thiếu chữ ký...

Nghiên cứu bản kết luận điều tra (KLĐT) đề nghị truy tố của CQĐT xem nội dung bản KLĐT có phản ánh đúng hồ sơ hay không, đồng thời phát hiện những vi phạm của CQĐT. Trong KLĐT sẽ thể hiện có hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD xảy ra hay không, thời gian, địa điểm, người thực hiện hành vi, đối tượng bị xâm hại, vấn đề xử lý vật chứng...

Trong các vụ án về ĐVHD, các loài vật đều có tên khoa học được ghi trong danh mục của Công ước CITES, vì vậy cần chú ý cách ghi tên khoa học của loài động vật trong bản KLĐT, đảm bảo sự phù hợp với tên loài trong Công ước.

Đối với những vụ án phức tạp, KSV phải đọc kỹ từng tài liệu, trích cứu nội dung đầy đủ, ngắn gọn. Qua việc đọc, nghiên cứu và trích cứu tài liệu, KSV phải xác định được các nội dung sau: Có tội phạm về ĐVHD xảy ra hay không? Tội gì? Điều, khoản nào? Hành vi phạm tội cụ thể như thế nào? Người bị đề nghị truy tố có đủ căn cứ xác định đúng là người thực hiện tội phạm hay không? Có người đồng phạm hay không? Nếu có đồng phạm thì vai trò của các đồng phạm như thế nào? Nguyên nhân phạm tội? Động cơ, mục đích của người phạm tội? (trong các vụ án về ĐVHD động cơ, mục đích phạm tội thường xuất phát từ lợi ích vật chất, có thể vận chuyển thuê để lấy tiền, mua bán để kiếm lời, đánh bắt, giết thịt, lấy xương để bán kiếm lời...).

Việc thu giữ, xử lý vật chứng cũng cần có đầy đủ thông tin gồm có những vật chứng nào được thu giữ? Có những vật chứng loại nào đã được CQĐT kê biên, trả lại hay giao cho cơ quan chuyên môn quản lý? Việc thu giữ, kê biên, xử lý của CQĐT có đúng quy định của pháp luật hay không? Cần chú ý đến cách thức xử lý vật chứng đối với từng loại như con vật còn sống thì tái thả hay đưa vào trung tâm cứu hộ ĐVHD, cá thể đã chết, bộ phận, sản phẩm thì tiêu hủy hay xử lý bằng cách thức khác. Với các hình thức xử lý cũng cần xem xét các biên bản xử lý vật chứng thể hiện đúng theo quy định của tố tụng.

BLHS 2015 đã có quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Vì vậy cần chú ý đến các thủ tục tố tụng áp dụng đối với pháp nhân thương mại.

- + Kiểm sát viên xây dựng quyết định truy tố, bản cáo trạng và bản dự thảo luận tội sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, củng cố chứng cứ. Bản cáo trạng gồm các thông tin:
- + Về hình thức và nội dung Cáo trạng phải thực hiện theo cách viết được Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao hướng dẫn, đồng thời cũng cần đáp ứng được yêu cầu của Điều 243 BLTTHS 2015 như “phải ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội”, “những chứng cứ xác định

hành vi phạm tội của bị can”, “tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”, “việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế”, “đặc điểm nhân thân của bị can”, “việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng”, “nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội”.

Thông thường, Báo cáo của bản cáo trạng gồm có 4 phần: 1) Phần nêu căn cứ pháp lý xác định việc truy tố của Viện kiểm sát, 2) Phần mô tả hành vi phạm tội của bị can (các bị can); 3) Phần kết luận; 4) Phần quyết định.

Đối với Báo cáo các tội phạm liên quan đến ĐVHD cần lưu ý một số vấn đề, cụ thể: Phần mô tả hành vi phạm tội cần chú trọng về động cơ, mục đích phạm tội vì đây là vấn đề thuộc mặt chủ quan trong cấu thành tội phạm. Trong thực tiễn, người thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình bị khởi tố, điều tra thường có tâm lý che giấu động cơ, mục đích phạm tội của mình, vì vậy KSV cần phải đánh giá, phân tích hành vi khách quan để từ đó chứng minh ý thức chủ quan của người phạm tội. Động cơ, mục đích phạm tội còn là tình tiết định tội, định khung tăng nặng trong một số loại tội. Cần ghi rõ người phạm tội thực hiện hành vi nuôi, nhốt nhằm mục đích mua bán; thực hiện hành vi vận chuyển, mua bán để kiếm lời hay vì mục đích khác.

Diễn biến hành vi phạm tội của bị can cần phải được mô tả chính xác, đầy đủ, dễ hiểu, không kể lể lan man, không phân tích quá sâu các hành vi cụ thể. Bị can có thể thực hiện hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm của ĐVHD, vì vậy báo cáo cần mô tả ngắn gọn nhưng chính xác hành vi phạm tội của bị can. Cần đưa ra những chứng cứ đã thu thập được thể hiện rõ hành vi phạm tội của bị can.

Nếu vụ án có đồng phạm thì phải chứng minh vai trò của từng người đồng phạm, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng người đồng phạm để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với người đó. Trong vụ án liên quan đến hành vi mua bán hoặc vận chuyển ĐVHD có thể có đối tượng rủ rê, lôi kéo người quen, bạn bè cùng thực hiện hành vi phạm tội, có những bị can không nhận thức được hành vi của mình là phạm tội mà chỉ nghe theo lời người khác mà thực hiện; động cơ phạm tội có thể đơn giản là lợi ích vật chất có được từ hành vi mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD. Vì vậy cần xác định rõ hành vi của từng đối tượng để có cơ sở xử lý.

Đối với những vụ án đơn giản, ít nghiêm trọng có thể nêu đầy đủ diễn biến của tội phạm theo thời gian. Nếu vụ án có một bị can phạm nhiều tội thì có thể trình bày diễn biến của từng tội phạm theo thời gian hoặc trình bày các tội theo tính chất của từng tội phạm, từ tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng đến tội phạm ít nghiêm trọng.

Nếu vụ án có nhiều bị can phạm nhiều tội có thể trình bày theo diễn biến của từng tội phạm hoặc nêu từng bị can (phạm tội bao nhiêu lần, các hành vi phạm tội cụ thể...), sau đó tổng hợp, đánh giá vai trò của từng bị can trong vụ đồng phạm. Trong các vụ án ĐVHD có thể có những bị can phạm tội mua bán, có bị can phạm tội vận chuyển trái phép ĐVHD do các đối tượng mua bán đặt vấn đề thuê vận chuyển. Đối tượng vận chuyển thuê có thể là người dân bình thường có mối quen biết với đối tượng mua bán, có thể là lái xe khách liên tỉnh hoặc lái xe taxi, nếu là người lái xe taxi thì có thể được thuê vận chuyển hàng hoá với giá cao hơn so với bình thường.

+ Những lưu ý khi kết luận vấn đề:

Tổng hợp ngắn gọn cấu thành tội phạm từ sự mô tả hành vi phạm tội ở phần trên, tính chất, mức độ, hậu quả của tội phạm, xác định vai trò của bị can trong vụ án (chú ý sắp xếp theo trật tự từ bị can chính, nguy hiểm nhất đến các bị can có vai trò thấp hơn. Nếu bị can phạm nhiều tội thì phải phân tích, đánh giá theo thứ tự từ tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đến tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng).

Về lý lịch bị can, tiền án, tiền sự: Nêu lý lịch của từng bị can (chú ý sắp xếp theo thứ tự từ bị can có vai trò chính đến bị can có vai trò thứ yếu). Cần ghi đúng theo lý lịch tư pháp, chú ý tên đệm, nếu có tên gọi khác cũng cần ghi rõ. Trong các vụ án liên quan đến ĐVHD, có những bị can là người dân tộc thiểu số, có trình độ văn hoá thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhưng cũng có bị can trước đó đã thực hiện nhiều lần hành vi mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD hoặc thậm chí có bị can đã bị xét xử về tội phạm về ĐVHD nhưng vẫn cố tình tiếp tục phạm tội. KSV cần nghiên cứu kỹ lý lịch bị can để có biện pháp đấu tranh và làm căn cứ đề xuất mức hình phạt.

Trong những trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can thì phải xem xét, làm rõ các căn cứ để cho bị can được hưởng tình tiết giảm nhẹ.

Phân quyết định lưu ý: phải ghi rõ không chỉ tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng, mà cả điểm của điều khoản đó (trích dẫn đầy đủ điểm, điều khoản, tội danh).

2.3.1.4. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử

+ Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn: i) Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; ii) Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; iii) Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; iv)

Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

+ Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn: i) Trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị; ii) Bổ sung chứng cứ mới; iii) Bổ sung, thay đổi kháng nghị, rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị; iv) Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; v) Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp; vi) Tranh luận với bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

2.3.2. Viện kiểm sát kiểm sát việc giải quyết các vụ án về ĐVHD trong các giai đoạn của tố tụng hình sự

2.3.2.1. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Trong giai đoạn khởi tố vụ án Viện kiểm sát có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến, tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết. Bên cạnh đó có trách nhiệm kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: i) Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm đầy đủ, đúng pháp luật; ii) Kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; iii) Cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; iv) Khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm; v) Yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm; vi) Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Khi kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể: i) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; ii) Yêu cầu Cơ quan điều tra,

cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự.

2.3.2.2. Giai đoạn điều tra vụ án hình sự

+ Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

+ Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

+ Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra.

+ Yêu cầu cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết.

+ Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật, kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát, cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra, kiến nghị, yêu cầu cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra, yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra, xử lý nghiêm minh Điều tra viên, Cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

2.3.2.3. Giai đoạn truy tố vụ án hình sự

+ Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

+ Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

+ Khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố kèm theo vật chứng do CQĐT chuyển đến, KSV (hoặc cán bộ thụ lý) phải kiểm tra từng trang tài liệu, so sánh đối chiếu với bản kê tài liệu xem có đầy đủ, phù hợp không.

Các loại tài liệu cần thu thập đầy đủ gồm biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng (trong đó có vật chứng là các loài ĐVHD và vật chứng là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội), bản ảnh chụp ĐVHD (nếu có), tài liệu về giám định, định giá tài sản... Cần kiểm tra xem nội dung ở các trang tài liệu có sửa chữa, thêm, bớt, tẩy xóa không? Nếu có dấu vết của tẩy, xóa hay thêm bớt thì yêu cầu người giao hồ sơ giải thích và ghi rõ vào biên bản giao, nhận, có xác nhận bằng chữ ký của người giao để làm căn cứ xác định trách nhiệm giữa các bên.

Người nhận hồ sơ phải kiểm tra vật chứng (nếu có) của vụ án. Trong các vụ án về ĐVHD, ngoài các cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm ĐVHD thu được thì còn có nhiều loại vật chứng khác như xe máy, điện thoại di động, các dụng cụ để nguy trang khi vận chuyển như bao, túi, thùng xốp, thùng carton... Nếu vật chứng đi kèm hồ sơ được chuyển giao cùng hồ sơ (như tiền, séc, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe...) thì phải so sánh thông tin, đặc điểm vật chứng với ghi chép trong tài liệu, tránh trường hợp vật chứng được giao khác với vật chứng ghi nhận trong hồ sơ. Kiểm tra xem bị can có đang áp dụng biện pháp ngăn chặn nào không? Thời hạn áp dụng còn hay hết? Đồng thời, phải kiểm tra bản kết luận điều tra đã giao cho bị can chưa.

+ Nếu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng chưa đủ, bản kết luận điều tra chưa được giao cho bị can, người bào chữa (nếu có), nếu các tài liệu có dấu hiệu tẩy, xóa, thêm, bớt nhưng người giao hồ sơ không xác nhận, hoặc nếu thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn hết trước khi chuyển hồ sơ, nhưng không có văn bản nào thể hiện bị can được tại ngoại... thì chưa nhận hồ sơ vụ án, yêu cầu CQĐT bổ sung.

+ Nếu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng đủ so với bản kê tài liệu, bản kết luận điều tra đã được giao cho người có liên quan thì ký nhận và vào sổ thụ lý hồ sơ vụ án và báo cáo ngay với cấp trên. Việc giao nhận hồ sơ giữa người nhận hồ sơ với KSV phải lập thành biên bản theo quy định.

2.3.2.4. Giai đoạn xét xử vụ án hình sự

- + Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử vụ án hình sự của Tòa án.
- + Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.
- + Kiểm sát bản án, quyết định, văn bản tố tụng khác của Tòa án.
- + Yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị.
- + Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật nghiêm trọng về thủ

tục tổ tụng.

+ Kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này, kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng.

+ Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý.

2.3.3. Một số bài tập tình huống

a. Bài số 1

Khoảng 18 giờ 30 phút Nguyễn Văn Th điều khiển xe mô tô chở S đi đến huyện D gặp 02 thanh niên (không quen biết và không rõ nhân thân, lai lịch, nơi cư trú) chào bán 01 bao xương động vật rừng (khoảng 24 kg) với giá 6.000.000 đồng. S và Th cùng nhau góp tiền mua số xương động vật trên đưa về nấu cao (Th góp 2.000.000 đồng, S góp 4.000.000 đồng), số cao sau khi nấu sẽ chia thành 03 phần – S hưởng 02 phần, Th hưởng 01 phần. Sau khi mua được xương động vật rừng cả hai vận chuyển đi về tỉnh B. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi S và Th vận chuyển số xương động vật trên đi trên đường thì bị Công an xã X huyện T phát hiện thông báo Hạt kiểm lâm huyện T kiểm tra, lập biên bản tạm giữ 24 kg xương động vật, 01 xe mô tô của Th và S. Vụ việc sau đó chuyển đến cơ quan CSĐT để tiến hành điều tra.

Kết quả điều tra căn cứ lời khai của các đối tượng và Cơ quan điều tra phối hợp với cơ quan Kiểm lâm tiến hành kiểm tra thực tế cho thấy:

- 05 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 8,5 kg là loài Khỉ đuôi lợn nhóm IIB

- 02 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 5,2 kg là loài khỉ mặt đỏ nhóm IIB

- 03 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 6,3 kg là Voọc chà vá chân đen nhóm IB

- 02 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 4 kg là Voọc bạc Trường Sơn (Voọc bạc Đông Dương) nhóm IB

Với tình huống trên Anh (Chị) hãy trình bày quan điểm của mình để trả lời các câu hỏi dưới đây:

+ Với tư cách là KSV được phân công giải quyết vụ án trong giai đoạn truy tố Anh (Chị) hãy đánh giá các chứng cứ có trong vụ án?

+ Theo quan điểm của Anh (Chị) khi hồ sơ vụ án trên chuyển đến Viện kiểm sát thì KSV phải tiến hành củng cố chứng cứ như thế nào?

b. Bài số 2

Trần Thế H và Đinh Văn A cùng đóng góp tiền 448.000.000 đồng (Trần Thế H góp 208.000.000 đồng, Đinh Văn A góp 240.000.000 đồng) mua 02 bộ xương động vật của một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại một quán nước. H và A đã xem số xương trên, với kinh nghiệm trong phân biệt xương động vật cả hai cho rằng đó là 02 bộ xương hổ. Mua xong H và A mang về nhà của H. Sau đó, Trần Thế H gọi điện cho một số người quen thông báo có bộ xương hổ chuẩn bị nấu cao tại nhà để bán. Nghe thông tin đó, một số người gồm: Vũ Ngọc Ph, Chu Mạnh T, Trương Quốc B và Nguyễn Ngọc T đến nhà Trần Thế H xem có đúng là xương hổ không để mua cao. Đinh Văn A gọi điện cho Đinh Văn D là anh trai của A xuống để trông coi và tham gia nấu cao tại nhà H. Trong khi H và A mang bộ xương động vật giới thiệu là xương hổ chuẩn bị nấu cao để bán cho những người có tên trên xem để họ mua cao thì bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Kết quả giám định cho thấy 02 mẫu xương sọ động vật là xương sọ của 02 con hổ (*Panthera tigris*) thuộc nhóm IB Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; 02 mẫu xương chi của bộ xương còn lại là xương của loài Sư tử (*Panthera leo*) thuộc Phụ lục II.

Tại phiên Tòa qua thẩm vấn cho thấy:

Quá trình giám định chỉ lấy 02 mẫu xương sọ và 02 mẫu xương chi để giám định. Các mẫu xương còn lại gồm: xương sườn, xương sống, xương ống, xương hàm... hiện nay chưa giám định.

Ngoài ra trong hồ sơ có trưng cầu định giá xương sọ của 02 con hổ (đã được giám định) nhưng chưa được định giá.

Với tình huống nêu trên Anh (Chị) hãy trình bày quan điểm của mình để trả lời các câu hỏi dưới đây:

- + Có cần thiết phải định giá xương sọ của 02 con hổ và các mẫu xương còn lại không?
- + Có cần thiết phải giám định thêm các mẫu xương còn lại không?
- + Trong dự thảo luận tội Anh (Chị) đề nghị xử lý các bị cáo về điều khoản nào và chuẩn bị luận cứ nào để tranh luận với Luật sư?
- + Là KSV thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử Anh (Chị) đề nghị Hội đồng xét xử như thế nào trong giải quyết vụ án trên?

2.4. Xét xử các vụ phạm tội về ĐVHD

2.4.1. Quy trình tiến hành xét xử

2.4.1.1. Một số vấn đề cần lưu ý khi xét xử các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm tại Tòa án nhân dân

Thứ nhất, Tòa án các cấp cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát để sớm đưa ra giải quyết dứt điểm các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Lãnh đạo các Tòa án cần cử Thẩm phán có kinh nghiệm, năng lực tham gia phối hợp ngay trong quá trình điều tra, truy tố để vừa kịp thời nắm chắc các tình tiết khách quan của vụ án, đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, vừa cùng các cơ quan tiến hành tố tụng kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ hai, đối với vấn đề vướng mắc về giám định tư pháp, Thẩm phán được phân công xét xử khi thụ lý hồ sơ vụ án cần kiểm tra ngay nội dung này trong hồ sơ đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật chưa, có cơ sở pháp lý để xét xử chưa? Trường hợp kết quả giám định chưa rõ ràng, chưa đủ cơ sở để xác định thiệt hại hay mức độ trách nhiệm đối với bị can, bị cáo thì Tòa án trao đổi lại với Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát có thẩm quyền điều tra, truy tố về nội dung và yêu cầu cụ thể của việc giám định trước khi trả hồ sơ để điều tra bổ sung, để đảm bảo việc giám định sớm được thực hiện và có hiệu quả, tránh trường hợp phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần. Trong trường hợp cần thiết, cần chủ động trao đổi với cơ quan giám định, mời Giám định viên đến phiên tòa để kịp thời giải đáp những nội dung liên quan đến giám định.

Thứ ba, trong quá trình giải quyết vụ án cần đánh giá một cách thận trọng, chính xác và toàn diện các tài liệu, chứng cứ của vụ án, xác định đúng tội danh, khung khoản, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, từ đó quyết định tội danh và hình phạt đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Thứ tư, việc định giá tài sản là hàng cấm được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Thông tư số 43/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 07/5/2018 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30 quy định việc định giá tài sản là hàng cấm phải dựa

trên ít nhất một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Giá mua bán thu thập được trên thị trường không chính thức tại thời điểm và tại nơi tài sản là hàng cấm được yêu cầu định giá hoặc tại địa phương khác;

b) Giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu hàng cấm (nếu có);

c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp;

d) Giá thị trường trong khu vực hoặc thế giới của hàng cấm do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông báo hoặc cung cấp thông tin;

đ) Giá niêm yết, giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu của tài sản tương tự được phép kinh doanh, lưu hành, sử dụng tại Việt Nam;

e) Giá thị trường trong khu vực và thế giới của tài sản tương tự được phép kinh doanh, lưu hành, sử dụng tại các thị trường này;

g) Các căn cứ khác giúp xác định giá trị của tài sản cần định giá do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tin cậy của các căn cứ này”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cần tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, chuyên gia về động vật, thực vật, về các vấn đề có liên quan đến kiến thức chuyên biệt trong quản lý nhà nước về động vật, thực vật.

Thứ năm, trong quá trình giải quyết các vụ án vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, nếu gặp khó khăn, vướng mắc về pháp luật thì có thể trao đổi với Tòa án nhân dân tối cao.

2.4.1.2. Việc áp dụng một số tình tiết định tội

+ ĐVHD quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP hoặc Phụ lục II CITES.

+ *ĐVHD khác* quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III CITES.

+ *Động vật nguy cấp, quý, hiếm* quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự là các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP hoặc Phụ lục I CITES.

+ *Cá thể* là một cơ thể động vật còn sống hoặc đã chết. Cũng được coi là cá thể đối với cơ thể động vật đã chết mà thiếu một hoặc một số bộ phận cơ thể (ví dụ: cá thể tắc kè đã chết thiếu nội tạng hoặc cá thể hổ đã chết thiếu chân).

+ *Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống* là những bộ phận thực hiện các chức năng chuyên biệt của cơ thể động vật, ngay khi tách rời những bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết (ví dụ: đầu, tim, bộ da, bộ xương, buồng gan...).

+ *Sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm* là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương ĐVHD; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da ĐVHD).

+ *Động vật lớp khác* quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự là động vật nguy cấp, quý, hiếm ngoài lớp thú, lớp chim, lớp bò sát nhưng thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP hoặc Phụ lục I CITES.

+ *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này* theo điểm c khoản 1 Điều 234 của Bộ luật Hình sự là trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 234 của Bộ luật Hình sự.

+ *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này* theo điểm e khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự là trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi quy định tại điểm c, d và đ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm c, d và đ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

2.4.1.3. Về việc áp dụng một số tình tiết định khung hình phạt

+ *Săn bắt trong khu vực bị cấm* là săn bắt ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm trong khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan hoặc săn bắt trong các khu vực khác có quy định cấm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ *Săn bắt vào thời gian bị cấm* là săn bắt ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc mùa di cư của chúng. Việc xác định mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài theo

quy định của cơ quan có thẩm quyền.

+ *Sử dụng công cụ hoặc phương tiện sẵn bắt bị cấm* là sử dụng các loại vũ khí, tên tẩm thuốc độc, chất nổ, chất độc, đào hầm, hố, cấm chông, bẫy kiềng lớn, bẫy cấm chông, bẫy gài lao, bẫy điện, bẫy sập, khúc gỗ lớn, răng sắt lớn hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt.

+ *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 234 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn sử dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 234 của Bộ luật Hình sự.

+ *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn sử dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

+ *Vận chuyển, buôn bán qua biên giới* là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc ngược lại. Cũng được coi là buôn bán, vận chuyển qua biên giới nếu đã hoàn thành các thủ tục thông quan đối với ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng.

2.4.1.4. Về hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm

+ Đối với hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm có từ trước ngày 01/01/2018 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính.

2.4.1.5. Về hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm

+ Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD,

động vật nguy cấp, quý, hiếm của người khác nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự.

+ Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm sau đó lại thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD hoặc tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Ví dụ 1: Nguyễn Văn A trộm cắp 10 kg ngà voi trị giá 130 triệu đồng, sau đó A đi bán cho Nguyễn Văn B thì bị bắt quả tang. Trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản và tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Ví dụ 2: Nguyễn Văn C trộm cắp 10 kg ngà voi trị giá 130 triệu đồng. Trong khi C đang vận chuyển đi cất giấu thì bị phát hiện bắt giữ. Trường hợp này, C chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản.

2.4.1.6. Về trường hợp thu giữ được nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc các lớp khác nhau

Trường hợp trong cùng một vụ việc, nếu thu giữ được nhiều loài động vật có cả lớp thú, lớp chim, lớp bò sát và lớp khác thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nếu chưa đủ số lượng theo từng lớp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự, thì người có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

2.4.2. Một số bài tập tình huống

a. Bài số 1

Ngày 11/8/2018, cơ quan điều tra và cơ quan hải quan tiến hành kiểm kê tài sản tại kho tang vật của Phòng Điều tra chống buôn lậu của Cục Hải quan đã phát hiện:

- Thiếu 239,5 kg ngà voi và 07 khúc sừng tê giác trọng lượng 6,1 kg;
- Có dấu hiệu vi phạm niêm phong của tang vật là 17 khúc trọng lượng 65,7 kg; 65,1 kg vòng và hạt ngà voi; 03 khúc trọng lượng 4,87 kg sừng tê giác. Theo Kết luận của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam thì số ngà voi, sừng tê giác có dấu hiệu vi phạm niêm phong là giả.

Kết quả điều tra xác định: Do cần tiền chi tiêu nên Phan Văn H, cán bộ hải quan được

phân công làm nhiệm vụ thủ kho quản lý kho tang vật đã bàn với Trần Hùng C làm giả ngà voi và sừng tê giác giống với mẫu vật trong kho để Hùng đánh tráo niêm phong, lấy mẫu vật thật ra bán. C đồng ý và giới thiệu bán cho Nguyễn Xuân A giá 7.000.000 đồng/kg ngà voi và 200.000.000 đồng/kg sừng tê giác. H đã thực hiện 08 lần lấy ngà voi bán được 1.676.500 đồng; 02 lần lấy sừng tê giác bán được 1.220.000.000 đồng. H đưa C 260.000.000 đồng để trả công và trả chi phí làm mẫu vật giả. A khai sau khi mua số ngà voi và sừng tê giác của H và C đã thuê Tống Linh là người Trung Quốc (không rõ địa chỉ) chế tác một số đồ mỹ nghệ ngà voi để tại nhà A (đã bị thu giữ), số còn lại bán cho Tống Linh thu lời 21.000.000 đồng tiền ngà voi và 27.000.000 tiền sừng tê giác.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nơi ở của A một số sản phẩm ĐVHD, bao gồm: 01 tượng kích thước dài 80 cm trọng lượng 8,5 kg; 03 bức tượng điêu khắc hình 03 ông tam đa cùng nhiều vòng, hạt ngà voi. Phan Văn Th (bố của H) giao nộp cho cơ quan điều tra 01 ba lô chứa 7,5 kg đồ mỹ nghệ dạng vòng và hạt. Theo Kết luận giám định xác định là gỗ và nhựa.

Câu hỏi:

- + Xác định đối tượng phạm tội và phân tích tội danh và hành vi phạm tội của các đối tượng?
- + Xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?
- + Điều luật và văn bản nào được áp dụng?

b. Bài số 2

Do có quan hệ quen biết trước đó giữa Đinh Ngọc Ph với H (không rõ lai lịch, nhân thân) nên khoảng 16 h ngày 28/11/2017, H gọi điện cho Ph nói “Vận chuyển cho chị ít hàng ra PL giao cho khách” và H trả 300.000 đồng tiền công, Ph đồng ý. Khoảng 13 h ngày 29/11/2017, Ph có mặt ở ga HT như đã hẹn với H thì có một người đàn ông khoảng gần 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) đến gặp Ph, đưa cho Ph 02 ba lô, 01 va ly kéo, 01 túi xách, 01 bao tải xác rắn. Sau đó Ph đưa hàng lên tàu, khi tàu chạy đến tỉnh Nghệ An thì có một số hành khách xung quanh nói hành lý của Ph có mùi hôi thối, Ph liền mở ra xem thì thấy trong hành lý có chứa Tê tê. Quá trình Ph vận chuyển Tê tê thì người đàn ông đã gọi điện cho Ph dặn khi nào đến ga PL thì gọi điện cho ông ta biết và đưa số Tê tê đó đến gần cầu ĐV sẽ có người ra lấy. Khi tàu tới ga PL thì Ph xuống và mang theo hành lý có chứa Tê tê ra cổng bắt taxi do Nguyễn Hà B điều khiển (B biết trong hành lý của Ph có chứa Tê tê) thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu gồm: 20 con Tê tê (trọng lượng 80 kg), trong đó có 08 con đã bị chết; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Ph; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hà B, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự.

Kết luận giám định của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật xác định “20 cá thể động vật là các cá thể loài Tê tê Java (*Manis javanica*)”.

Câu hỏi:

- + Xác định đối tượng phạm tội và phân tích tội danh và hành vi phạm tội của các đối tượng?

- + Xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?
- + Điều luật và văn bản nào được áp dụng?

c. Bài số 3

- Cuối năm 2016, Nguyễn Mậu Ch sang Trung Quốc và được đối tượng tên Xieng Xieng (quốc tịch Trung Quốc) thuê vận chuyển sừng tê giác từ thành phố X ra thành phố H với tiền công 10 triệu đồng/kg.

- Ngày 6/4/2017, Ch gọi điện nhờ Nguyễn Văn T vào thành phố X nhận 15 sừng tê giác, đưa ra thành phố H.

- Ngày 24/4/2017, Nguyễn Mậu Ch được Xieng Xieng cho số điện thoại của người tên Nguyễn Mạnh Ch (SN 1974, ở TP X) để liên hệ nhận hàng.

- Ngày 25/4/2017, Nguyễn Mậu Ch nhờ Nguyễn Mậu Th (nhân viên đường sắt) tới gặp Mạnh Ch để nhận lô hàng sản phẩm động vật quý hiếm, rồi bàn giao cho T. Cùng ngày, T nhận đủ 15 khúc sừng tê giác từ tay đồng bọn và đưa ra thành phố H theo đường tàu hỏa.

- Sáng 27/4/2017, T vận chuyển trót lọt số hàng hóa quốc cấm từ TP X ra tới TP H. Tuy nhiên, trong lúc đối tượng này và em vợ của Nguyễn Mậu Ch chuyển thùng caton lên ô tô thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ.

Đến 9h cùng ngày, Nguyễn Mậu Ch gọi điện cho em vợ và T nhưng đều không thể liên lạc được. Biết đồng bọn đã bị bắt giữ, Ch gọi điện về nhà bảo vợ tẩu tán hết số sản phẩm động vật quý hiếm. Tuy nhiên, khi Lê Thị H (đối tượng được nhờ tẩu tán tang vật phạm pháp) đang chuẩn bị di chuyển số hàng thì bị cơ quan công an bắt quả tang.

Nguyễn Mậu Ch đến cơ quan công an quận Đ đầu thú.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Ch, cơ quan công an tiếp tục thu giữ thêm nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ động vật quý hiếm. Tổng cộng, “ông trùm” sản phẩm động vật quý hiếm cùng đồng phạm bị thu giữ 23 khúc sừng tê giác, 2 cá thể hổ con đông lạnh, 390 đũa, 25 móng, 20 vòng tay, 45 lược chải đầu, 39 tượng, 201 răng, 4 vòng cổ cùng 120 móc khóa có nguồn gốc từ ngà voi.

Câu hỏi:

+ Xác định đối tượng phạm tội và phân tích tội danh và hành vi phạm tội của các đối tượng?

- + Xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?
- + Điều luật và văn bản nào được áp dụng?

d. Bài số 4

- Ngày 19/11/2014, Thanh tra Sở NN-PTNT tỉnh K phối hợp cơ quan chức năng phát hiện, thu giữ tại kho xưởng của Hoàng Tuấn H ở xã P 5.056 kg xác rùa biển.

- Tháng 12/2014, Công an tỉnh K kiểm tra, phát hiện Hoàng Tuấn H cất giấu nhiều xác

rùa biển ở xã P.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tổng cộng hơn 4.300 xác rùa biển, nằm trong nhóm danh mục các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn và trong nhóm danh mục các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn.

H khai nhận mặc dù không có giấy phép kinh doanh nhưng từ năm 2010 H đã thu mua số xác rùa biển trên của ngư dân đi biển, về ngâm dung dịch formol, để chế tác sản phẩm mỹ nghệ bán kiếm lời.

Câu hỏi:

- + Xác định tội danh và hành vi phạm tội của đối tượng?
- + Xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?
- + Điều luật và văn bản nào được áp dụng?

e. Bài số 5

- Ngày 2/4/2018, tại Quốc lộ 279, gần cửa khẩu T, huyện Đ, tỉnh Đ, cơ quan chức năng huyện đã phát hiện và bắt giữ Cao Xuân N khi đối tượng này đang trên đường vận chuyển trái phép 27 cá thể rùa đầu to (tổng khối lượng 10,5kg) và 4 chân/tay gấu ngựa (tổng khối lượng 13kg).

Theo Kết luận giám định thì Rùa đầu to (*Platysternon megacephalum* thuộc Phụ lục I CITES và gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) nằm trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được U'TBV ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP.

Câu hỏi:

- + Xác định tội danh và hành vi phạm tội của các đối tượng?
- + Xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?
- + Điều luật và văn bản nào được áp dụng?

2.5. Xử lý vật chứng

2.5.1. Quy trình tiến hành xử lý vật chứng

Quy trình tiến hành việc xử lý vật chứng tại tòa án nhân dân

- Quy định tại điểm d khoản 3 Điều 106 quy định: “*d) Vật chứng là ĐVHD và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật*”.

- Hướng dẫn về việc xử lý vật chứng tại Điều 7 Nghị quyết 05/2018 ngày 11/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

“1. Việc xử lý vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng được thực hiện như sau:

a) Vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

b) Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Vật chứng khác không thuộc trường hợp hướng dẫn tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

2. Đối với vật chứng đã được xử lý theo hướng dẫn tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, khi xét xử, Tòa án căn cứ vào biên bản thu giữ, bản ảnh, dữ liệu điện tử, biên bản giám định, biên bản giao nhận, quyết định xử lý vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng được thực hiện theo quy định của BLTTHS và văn bản hướng dẫn thi hành”

2.6. Kỹ năng nhận dạng loài và sản phẩm loài

2.6.1. Giới thiệu nhận dạng loài và sản phẩm loài ĐVHD thường bị buôn bán

Các loài ĐVHD được luật pháp quốc tế và Việt Nam bảo vệ và quản lý bằng những điều luật, quy định cho từng loài/nhóm loài, do vậy việc nhận dạng loài và sản phẩm loài đóng vai trò quan trọng trong công tác điều tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái phép ở Việt Nam. Nhận dạng đúng đối tượng loài bị buôn bán thì sẽ nhận dạng đúng vi phạm, từ đó đóng góp căn cứ cho việc xác định đúng tội danh và khung hình phạt tương ứng.

Nhận dạng các mẫu vật loài ĐVHD qua đặc điểm hình thái đòi hỏi phải có sự thận trọng, tỉ mỉ. Có nhiều loài trông rất giống nhau và không thể dùng những đặc điểm nhận dạng như vậy để phân biệt loài này với loài kia. Chỉ những đặc điểm đặc trưng mới được sử dụng để nhận dạng loài, nếu một hoặc nhiều hơn một đặc điểm này không quan sát thấy được thì con vật đó không thể được nhận dạng là một loài.

Cán bộ thực thi pháp luật cần có kỹ năng và hiểu biết cơ bản về nhận dạng loài, tuy nhiên để đảm bảo sự chính xác và nhất quán khi nhận dạng các loài và sản phẩm loài bị buôn bán thì vẫn cần có phương pháp và cách tiếp cận phù hợp. Có nhiều quy trình khác nhau về nhận dạng loài được nhiều cơ quan, tổ chức xây dựng và đề xuất, cán bộ thực thi có thể tham khảo quy trình 04 bước mô tả như dưới đây:

Bước 1: Chuẩn bị

Những nội dung cần chuẩn bị trong giai đoạn này gồm địa điểm, các tài liệu hướng dẫn, công cụ hỗ trợ, các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động nhận dạng và đảm bảo sự an toàn cho cán bộ thực hiện việc nhận dạng. Trong số các loài ĐVHD bị buôn bán có nhiều loài có khả năng gây độc hoặc truyền bệnh cho con người, do vậy luôn cần có những biện pháp, đồ dùng bảo hộ để tránh những rủi ro về sức khỏe, tính mạng cho người thực hiện hoạt động nhận dạng loài.

Bước 2: Xác định các manh mối và lựa chọn công cụ hỗ trợ

Trong giai đoạn này, cán bộ thực thi cần xác định mẫu vật cần nhận dạng thuộc loại đối tượng nào (vd: cá thể còn sống, bộ phận của cá thể hay sản phẩm đã qua chế tác...) và các thông tin khác liên quan đến mẫu vật như các đặc điểm của mẫu vật (ví dụ: màu sắc, hình dáng, kích thước...), nguồn gốc, các chỉ dấu của mẫu vật...

Sử dụng kiến thức về loài/nhóm loài, cán bộ thực thi có thể thu hẹp phạm vi nhận dạng, xác định mẫu vật có khả năng cao thuộc về một nhóm loài cụ thể, từ đó sẽ quyết định lựa chọn

tài liệu hướng dẫn nhận dạng nhóm loài tương ứng (ví dụ: thú, linh trưởng, tê tê, rùa, rắn...). Các tài liệu hướng dẫn nhận dạng loài đôi khi không có các thông tin minh họa về giới tính, sự biến đổi màu sắc tự nhiên theo mùa/độ tuổi của loài, do vậy cán bộ thực thi có thể cần sử dụng thêm các công cụ hỗ trợ khác như các trang thông tin internet, các phần mềm hỗ trợ nhận dạng loài (ví dụ: giamdinhloai), yêu cầu sự trợ giúp từ chuyên gia để có thêm cơ sở đối chiếu, so sánh.

Bước 3: Nhận dạng mẫu vật

Ghi chép lại các đặc điểm quan sát được từ mẫu vật và đối chiếu với các tài liệu hướng dẫn, công cụ nhận dạng để xác định đúng tên loài hoặc nhóm loài cụ thể. Nhận dạng mẫu vật bị buôn bán thường gặp nhiều khó khăn hơn so với nhận dạng loài trong môi trường tự nhiên khi đã có sẵn các thông tin về vị trí, sinh cảnh sống, tình trạng sức khỏe của con vật được quan sát. Những mẫu vật bị nuôi nhốt/buôn bán đôi khi không còn giữ lại đúng màu sắc, hình thái tự nhiên như bản thân chúng vốn có vì đã được người bán biến đổi cho hợp với thị hiếu người mua (ví dụ: tạo con lai giữa 02 giống loài khác nhau, nhuộm màu lông, chế tác các sản phẩm sừng...), do vậy khi không tìm ra những đặc điểm đặc trưng cần thiết thì những thông tin khác liên quan đến mẫu vật (có thể được thu thập ở Bước 2) do người bán/người vận chuyển cung cấp cũng có thể là những đầu mối hữu ích để thu hẹp phạm vi đối tượng loài hoặc nhóm loài được nhận dạng.

Bước 4: Kiểm tra lại kết quả

Kết quả nhận dạng cần được kiểm tra lại bằng cách đối chiếu lại những mô tả trong tài liệu hướng dẫn với những đặc điểm quan sát thấy từ mẫu vật, xác định xem những đặc điểm quan sát được của mẫu vật có phù hợp và có đủ tính đặc trưng cho loài không hay chỉ đủ nhận dạng ở nhóm loài.

Trong trường hợp kết quả nhận dạng chưa chắc chắn, hãy chụp ảnh hoặc ghi hình lại nhiều nhất có thể các đặc điểm của mẫu vật và yêu cầu sự trợ giúp từ chuyên gia và/hoặc các đơn vị, tổ chức có liên quan.

2.6.2. Giới thiệu các tài liệu và công cụ hỗ trợ nhận dạng loài

Các tài liệu, công cụ nhận dạng loài không thể ra quyết định hộ cho cán bộ thực thi nhưng chúng có thể giúp họ đưa ra các quyết định, hỗ trợ xử lý nhanh trong giai đoạn ban đầu giải quyết các vụ việc về buôn bán ĐVHD. Trong khuôn khổ tài liệu này, chỉ các tài liệu và công cụ bằng tiếng Việt được giới thiệu.

- Các tài liệu hướng dẫn nhận dạng loài:

- Hướng dẫn nhận dạng các loài Tê tê do Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Bangkok xuất bản năm 2017. Tham khảo trực tuyến tại:

http://www.usaidwildlifeasia.org/resources/reports/pangolin-id-guide_vietnamese_final.pdf

- Sổ tay kiểm lâm thú ăn thịt nhỏ ở Việt Nam do Chương trình bảo tồn cây vắn VQG Cúc Phương xuất bản năm 2004. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam hoặc tham khảo trực tuyến tại: http://svw.vn/wp-content/uploads/2018/01/SVW_So-tay-Kiem-lam-Thu-an-thit-nho-o-Viet-Nam.pdf

- Sổ tay ngoại nghiệp nhận diện các loài thú của Vườn quốc gia Cát Tiên được xuất bản năm 2001. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam.

- Hướng dẫn điều tra ngoại nghiệp linh trưởng được Tổ chức bảo tồn động thực vật hoang dã quốc tế (FFI) – Chương trình Đông Dương xuất bản lần 1 năm 2002 và lần 2 năm 2005. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam hoặc tham khảo trực tuyến tại: <http://wildlifeatrisk.its.vn/vi/2019/01/28/huong-dan-dieu-tra-ngoai-nghiep-linh-truong/>

- Sách hướng dẫn định loại rùa Thái Lan, Lào, Việt Nam và Campuchia được xuất bản năm 2001. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam hoặc tham khảo trực tuyến tại: <https://wildlifetrade.wcs.org/DesktopModules/Bring2mind/DMX/Download.aspx?EntryId=31824&PortalId=80&DownloadMethod=attachment>

- Nhận dạng các sản phẩm từ ĐVHD bị buôn bán phổ biến ở Việt Nam được Tổ chức WCS Việt Nam xuất bản năm 2015. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam

- Nhận dạng nhanh một số loài ĐVHD được Công ước CITES và pháp luật Việt Nam bảo vệ được Cục kiểm lâm (Bộ NN&PTNT) và Tổ chức TRAFFIC Đông Nam Á xuất bản năm 2009. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam hoặc tham khảo trực tuyến tại: https://www.traffic.org/id-reports/traffic_pub_identification2.pdf

- Giới thiệu một số loài chim Việt Nam được tác giả Lê Mạnh Hùng – Viện khoa học và Công nghệ Việt Nam xuất bản năm 2012.

- Chim Việt Nam được Tổ chức Birdlife xuất bản năm 2000.

- Sách hướng dẫn thi hành luật về định dạng các loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam được Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) xuất bản năm 2010. Tài liệu được lưu giữ tại văn phòng WCS Việt Nam hoặc tham khảo trực tuyến tại: <http://envietnam.org/library/Resource%20and%20Publication/Turtle%20ID%20Book.pdf>

- Các công cụ tra cứu thông tin trên nền tảng internet và ứng dụng điện thoại thông minh:

- Trang tin Sinh vật rừng Việt Nam của tác giả Phùng Mỹ Trung. Tham khảo trực tuyến tại: <http://www.vncreatures.net/>

- Công cụ hỗ trợ nhận dạng loài và sản phẩm loài được Tổ chức WCS Việt Nam

phát triển với các phiên bản trên trang web và ứng dụng trên điện thoại thông minh. Tham khảo trực tuyến tại: <http://giamdinhloai.vn/> hoặc download ứng dụng trên điện thoại Android <https://play.google.com/store/apps/details?id=vn.giamdinhloai.giamdinhloai&hl=en>; trên điện thoại iOS <https://itunes.apple.com/SG/app/id1169072410?mt=8>





3.1 Bài số 1

1. Ngày 5/12/2018, trực ban Phòng Cảnh sát môi trường - Công an thành phố H tiếp nhận đối tượng Đỗ Bá D (sinh năm 1985; trú tại: Sơn Tây, Hà Nội) cùng tang vật là 02 vật thể hình trụ màu trắng vàng, kiểu dáng hình cánh cung có kích thước 5cm x 30cm nghi là sừng động vật (Ngà Voi) và 01 xe máy BKS 29L1 - 039.XX do Tổ Cảnh sát giao thông Đội 6 - Phòng CSGT Công an thành phố H bắt giữ và đưa đến.

Câu hỏi:

a. Là cán bộ trực ban tiếp nhận vụ việc trên, đồng chí phải làm những công việc gì? Tại sao?.

b. Với những tài liệu trên có khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với đối tượng Duy không? Tội gì?

2. Qua sơ bộ thẩm vấn (lấy lời khai), đối tượng D khai nhận: đây là 02 ngà voi do D lấy trộm của ông chủ tên Đ có xưởng gia công, chế tác đồ mỹ nghệ (D là người làm thuê từ tháng 5/2018 và ở tại nhà của Đ tại Đội 9, thôn N, xã N, huyện T, Thành phố H). Do số lượng ngà voi trong kho nhiều nên D lấy trộm, trên đường mang đi bán thì bị phát hiện, bắt giữ. D khai đây là lần thứ 2 lấy trộm ngà voi của chủ nhà đi bán. Ngoài ra, D còn khai báo, hàng ngày có rất nhiều người đến nhà của Đ để đặt mua các sản phẩm chế tác từ sừng động vật như trâu rừng, bò rừng, linh dương đầu bò, nai sừng tấm hoặc các sản phẩm từ ngà voi,... trong đó chủ yếu là người Trung Quốc.

Câu hỏi:

a. Là cán bộ được giao nhiệm vụ, theo đồng chí cần phải tiến hành những công việc cụ thể nào để xác minh làm rõ thông tin trên phục vụ cho công tác xử lý tiếp theo?

b. Kết quả kiểm tra xác minh phát hiện có một đường dây chuyên thu mua sản phẩm ĐVHD (chủ yếu là ngà voi và sừng động vật các loại) từ nước ngoài về Việt Nam sau đó chế tác thành sản phẩm bán sang Trung Quốc hoặc cho khách hàng có nhu cầu, trong đó Đ và L (vợ Đ) là một đầu mối. Hiện tại, trong kho chứa hàng của nhà Dũng có một số lượng lớn ngà voi và các sản phẩm sừng động vật khác.

Theo đồng chí có xác lập chuyên án để đấu tranh không? Hay tổ chức bắt quả tang để điều tra xử lý?

3. Quá trình tổ chức đấu tranh, các lực lượng chức năng đã sử dụng tổng hợp các biện pháp nghiệp vụ và tổ chức bắt quả tang đối tượng Đ (chủ nhà) đang tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm động vật nguy cấp, quý, hiếm và tạm giữ 02 đối tượng người Trung Quốc có liên quan. Tang vật thu được gồm 03 bao tải chứa ngà voi nặng 75,5 kg và 01 thùng catton chứa các sản phẩm là vòng, hạt, mặt cắt hình khối,... được chế tác từ ngà voi nặng 18,3 kg; 09 bộ sừng động vật các loại.

Câu hỏi:

a. Với kết quả bắt giữ như trên, theo đồng chí đã khởi tố vụ án được hay chưa? Thẩm quyền khởi tố?

b. Khởi tố những ai là bị can của vụ án? Vụ án có đồng phạm không?

c. Quá trình điều tra cần làm rõ những vấn đề gì và áp dụng các biện pháp điều tra cụ thể nào để xác định đúng người, đúng tội danh?.

d. Theo đồng chí, trong tình huống trên, có nhập hai vụ án này vào một để điều tra hay không? Vì sao?

3.2 Bài số 2

1. Ngày 5/6/2017 trực ban Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Quảng Bình tiếp nhận đối tượng Vũ Văn X (sinh năm 1987, quê quán ở Bố Trạch - Quảng Bình) cùng tang vật là 02 cá thể Voọc, 05 cá thể thuộc họ mèo, 03 cá thể thuộc họ cầy (ngghi là ĐVHD thuộc danh mục IB) do quần chúng nhân dân sống quanh khu bảo tồn Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng bắt giữ và đưa đến.

Câu hỏi:

Là cán bộ trực ban tiếp nhận vụ việc trên, đồng chí phải làm những công việc gì ? Tại sao?.

2. Qua sơ bộ thẩm vấn (lấy lời khai), đối tượng X khai báo: có một đường dây khoảng 20 đối tượng do đối tượng H (khoảng 40 tuổi, ở Hà Tĩnh) cầm đầu chuyên mua bán ĐVHD xuyên quốc gia từ Khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia Hin Namno thuộc tỉnh Khăm Muộn, Lào sang Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. X là một thành viên được giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển đến nơi tập kết. Các đối tượng thường chia thành nhiều nhóm chuyên đi săn bắt hoặc mua các loại ĐVHD có giá trị để bán kiếm lời như Voọc má trắng, Voọc đen tuyền, Voọc ngũ sắc, Hổ, Sao La, Tê tê,... và thường vận chuyển vào ban đêm hoặc sáng sớm các ngày cuối tuần để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Địa điểm tập kết “hàng” của bọn chúng ở xã Xuân Trạch, Bố Trạch - Quảng Bình sau đó vận chuyển bằng ô tô ra Hà Tĩnh tiêu thụ.

Câu hỏi:

a. Là cán bộ được giao nhiệm vụ, theo đồng chí cần phải tiến hành những công việc cụ thể nào để xác minh làm rõ thông tin trên phục vụ cho công tác xử lý tiếp theo?

b. Kết quả kiểm tra xác minh các thông tin trên là đúng. Đồng chí hãy xây dựng kế hoạch truy quét và tổ chức quét vét nhóm đối tượng trên?

3. Quá trình tổ chức quét vét, các lực lượng chức năng đã tiến hành các hoạt động:

- Tuần tra kiểm soát công khai tại các cửa rừng và các đường mòn trong rừng nghi vận chuyển;

- Phục kích, đón lõng tại các địa điểm tập kết “hàng” của nhóm đối tượng;

- Ngoại tuyến, theo dõi xe ô tô vận chuyển từ xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, Quảng Bình ra Hà Tĩnh;

- Phối hợp với lực lượng Công an cơ sở kiểm tra, bắt quả tang các đối tượng chứa chấp, tiêu thụ và 02 đối tượng vận chuyển. Tang vật thu được gồm: 07 cá thể Voọc các loại, 12 cá thể

Tê tê và 01 bộ xương động vật (ngghi là xương Hổ) cùng một số sản phẩm động vật khác.

Câu hỏi:

- a. Với kết quả quét vết như trên, theo đồng chí đã khởi tố vụ án được hay chưa? Thẩm quyền khởi tố?
- b. Cần áp dụng các biện pháp cụ thể nào trong hoạt động điều tra theo thẩm quyền?
- c. Cần khởi tố vụ án theo điều luật nào của Bộ luật Hình sự?

3.3 Bài số 3

Trần Thế H và Đinh Văn A cùng đóng góp tiền 448.000.000 đồng (Trần Thế H góp 208.000.000 đồng, Đinh Văn A góp 240.000.000 đồng) mua 02 bộ xương động vật của một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại một quán nước. A và H đã xem số xương trên, với kinh nghiệm trong phân biệt xương động vật cả hai cho rằng đó là 02 bộ xương hổ. Mua xong H, A mang về nhà của H. Sau đó, Trần Thế H gọi điện cho một số người quen thông báo có bộ xương hổ chuẩn bị nấu cao tại nhà để bán. Nghe thông tin đó, một số người gồm: Vũ Ngọc Ph, Chu Mạnh T, Trương Quốc B và Nguyễn Ngọc T đến nhà Trần Thế H xem có đúng là xương hổ không để mua cao. Đinh Văn A gọi điện cho Đinh Văn D là anh trai của A xuống để trông coi và tham gia nấu cao tại nhà H. Trong khi A, H mang bộ xương động vật giới thiệu là xương hổ chuẩn bị nấu cao để bán cho những người có tên trên xem để họ mua cao thì bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Kết quả giám định cho thấy: 02 mẫu xương sọ động vật là xương sọ của 02 con hổ (*Panthera tigris*) thuộc nhóm IB Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; 02 mẫu xương chi của bộ xương còn lại là xương của loài Sư tử (*Panthera leo*) thuộc Phụ lục II của Công ước CITES)

Kết quả trưng cầu giám định bổ sung xác định toàn bộ số xương thu giữ chưa giám định (ngoài 02 xương sọ đã gửi giám định) đều là xương sư tử thuộc phụ lục II của Công ước CITES

Tại phiên Tòa qua thẩm vấn cho thấy:

Quá trình giám định chỉ lấy 02 mẫu xương sọ và 02 mẫu xương chi để giám định. Các mẫu xương còn lại gồm: xương sườn, xương sống, xương ống, xương hàm... hiện nay chưa giám định.

Ngoài ra trong hồ sơ có trưng cầu định giá xương sọ của 02 con hổ (đã được giám định) nhưng chưa được định giá.

Câu hỏi

- a. Anh (Chị) còn phải tiến hành hoạt động điều tra nào trong vụ án trên?
- b. Trong dự thảo luận tội Anh (Chị) đề nghị xử lý các bị cáo về những tội nào và chuẩn bị luận cứ nào để tranh luận với Luật sư?
- c. Là KSV thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử Anh (Chị) đề nghị Hội đồng xét xử như thế nào trong giải quyết vụ án trên?

3.4 Bài số 4

Khoảng 18 giờ 30 phút Nguyễn Văn Th điều khiển xe mô tô chở S đi đến huyện D gặp 02 thanh niên (không quen biết và không rõ nhân thân, lai lịch, nơi cư trú) chào bán 01 bao xương động vật rừng (khoảng 24 kg) với giá 6.000.000 đồng. S và Th cùng nhau góp tiền mua số xương động vật trên đưa về nấu cao (Th góp 2.000.000 đồng, S góp 4.000.000 đồng), số cao sau khi nấu sẽ chia thành 03 phần – S hưởng 02 phần, Th hưởng 01 phần. Sau khi mua được xương động vật rừng cả hai vận chuyển đi về tỉnh B. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi S và Th vận chuyển số xương động vật trên đi trên đường thì bị Công an xã X huyện T phát hiện thông báo Hạt kiểm lâm huyện T kiểm tra, lập biên bản tạm giữ 24 kg xương động vật, 01 xe mô tô của Th và S. Vụ việc sau đó chuyển đến cơ quan CSĐT để tiến hành điều tra.

Kết quả điều tra căn cứ lời khai của các đối tượng và Cơ quan điều tra phối hợp với cơ quan Kiểm lâm tiến hành kiểm tra thực tế cho thấy:

- 05 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 8,5 kg là loài Khi đuôi lợn nhóm IIB

- 02 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 5,2 kg là loài khi mặt đỏ nhóm IIB

- 03 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 6,3 kg là Voọc chà vá chân đen nhóm IB

- 02 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 4 kg là Voọc bạc Trường Sơn (Voọc bạc Đông Dương) nhóm IB

Trong số 13 bộ xương gửi tới Viện sinh thái và tài nguyên giám định cho kết quả như sau:

- Có 07 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 12,5 kg là loài Khi đuôi lợn nhóm IIB

- 05 bộ xương (có đủ sọ nhưng thiếu một số xương thành phần) nặng 11,5 kg là loài khi mặt đỏ nhóm IIB

Câu hỏi

a. Là KSV được phân công giải quyết vụ án trong giai đoạn truy tố Anh (Chị) hãy đánh giá các chứng cứ có trong vụ án ?

b. Trong dự thảo luận tội Anh (Chị) đề nghị xử lý các bị cáo về điều khoản nào và chuẩn

bị luận cứ nào để tranh luận với Luật sư ?

c. Là KSV thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử Anh (Chị) đề nghị Hội đồng xét xử như thế nào trong giải quyết vụ án trên.

3.5 Bài số 5

Khoảng đầu tháng 12/2018, Ngô Văn A quen biết với Lý Long, quốc tịch Trung Quốc qua mạng Wechat (A không biết địa chỉ của Lý Long). Lý Long hỏi A có biết đường đi Hà Nội – Việt Nam không? A trả lời có, sau đó Lý Long đặt vấn đề thuê A vận chuyển vầy Tê tê từ khu vực gần Hà Nội – Việt Nam đến Bằng Tường, Trung Quốc với tiền công là 4.000 NDT. A nhận lời.

Ngày 18/01/2018, A đang ở Bằng Tường – Trung Quốc thì Lý Long bảo A nhập cảnh vào Việt Nam vận chuyển vầy Tê tê cho Lý Long. Trên đường đi Lý Long sẽ liên lạc với A để chỉ dẫn đường đến địa điểm nhận hàng và giao hàng, tiền công vận chuyển Lý Long sẽ thanh toán cho A sau khi giao hàng tại Bằng Tường, Trung Quốc. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam, A nói cho em vợ là Nguyễn Tiến C (sinh năm 2004, trú tại Lạng Sơn) biết và rủ đi cùng. C đồng ý. A và C đã bắt xe khách về Hà Nội. Đến Hà Nội, cả hai thuê taxi đi đến địa điểm nhận hàng theo sự chỉ dẫn của Lý Long. Khoảng 15 giờ, A và C đến khu vực bãi đỗ xe cạnh sân bay Nội Bài và nhận 03 vali đựng vầy Tê tê từ một người đàn ông lạ mặt (A không biết là người Việt Nam hay Trung Quốc, người này trao đổi với A bằng tiếng Trung Quốc). Sau đó A và C thuê xe của Hoàng Văn T, sinh năm 1977, trú tại Phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn điều khiển với giá cước 2.000.000 VNĐ từ sân bay Nội Bài về cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn (A không nói cho T biết là đang vận chuyển vầy Tê tê và sừng Tê giác). Khi gần đến Tân Thanh, A có liên lạc với Lý Long, Lý Long bảo A đưa điện thoại cho T, T nghe máy thấy giọng một người đàn ông nói tiếng Việt Nam (giọng Nghệ An) bảo T cứ lái xe đến chợ Tân Thanh sẽ có người đi xe máy đến dẫn đường. Khi T lái xe đến chợ Tân Thanh thì có người đàn ông lạ mặt đi xe máy đến gần xe ô tô ra hiệu cho T đi theo, T điều khiển xe đi theo người này đến trước cửa phòng trọ của Hoàng Văn K thì người đàn ông bảo T dừng lại, T mở cốp xe ô tô để A và C vận chuyển 03 chiếc vali xuống rồi T lái xe đi tìm chỗ để quay đầu. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/01/2019, khi A và C đang vận chuyển 03 chiếc vali vào phòng trọ của Hoàng Văn K thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện bắt quả tang A, C cùng 03 chiếc vali bên trong chứa 100 kg sản phẩm vầy ĐVHD.

Tại bản Kết luận giám định số: 99/STTNSV ngày 30/01/2019 của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật kết luận: 100 kg sản phẩm vầy động vật thu giữ là vầy loài Tê tê Java có tên khoa học *Manis javanica*. Loài Tê tê Java thuộc phụ lục I Công ước CITES;

Câu hỏi

a. Theo các đồng chí, với nội dung trên thì người nào có hành vi phạm tội cần phải xử lý hình sự? Vì sao?

- b. Các đồng chí hãy phân tích và lập luận các yếu tố cấu thành tội phạm đối với hành vi phạm tội mà các đồng chí xác định được tại câu 1? Theo Điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự?
- c. Xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?

3.6 Bài số 6

Trưa ngày 23/01/2019, Phạm Văn Đ đang ở trang trại chăn nuôi của mình ở thành phố Móng Cái, thì đối tượng tên H (là người quen của Đ, nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ) cùng với một nam thanh niên không quen biết, điều khiển xe ô tô bán tải (không rõ biển kiểm soát) đến gặp và bảo muốn bán mấy tạ vầy Tê tê cho Đ, nhưng Đ không mua. Do đó, H đặt vấn đề thuê kho trong trang trại của Đ để gửi lại số vầy Tê tê trên, chờ bán sau. Đ đồng ý và thỏa thuận với H giá thuê kho là 1.700.000 đồng/ngày. Sau đó, H và nam thanh niên đi cùng chuyên 09 (chín) bao tải dứa đựng vầy Tê tê từ trên xe ô tô vào kho trong trang trại của Đ rồi bỏ đi.

Đến sáng ngày 26/01/2019, H gọi điện nhờ Đ tìm người sàng, lọc đất, cát và những bộ phận hư hỏng bám dính vào vầy Tê tê trong 09 bao tải rồi đóng lại như cũ, để đến tối cùng ngày H sẽ cho người đến lấy và trả tiền thuê kho. Đ đồng ý và gọi điện thuê các chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1994), Đỗ Thị B (sinh năm 1998) và anh Ma Văn K (sinh năm 2003) đến trang trại để sàng lọc cho Đ. Khi chị L, chị B và anh K đến, Đ đã dẫn họ vào kho và hướng dẫn sàng, lọc vầy Tê tê. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, chị L, anh K và chị B đang sàng, lọc vầy Tê tê cho Đ, thì bị Đội kiểm soát Hải quan Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh phối hợp với lực lượng chức năng đến kiểm tra, phát hiện. Vật chứng thu giữ của Đ gồm: 09 bao tải dứa bên trong đựng vầy động vật có tổng trọng lượng là 315 kg (ba trăm mười lăm ki lô gam), 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1010.

Tại bản Kết luận giám định động vật số 12/STTNSV ngày 05/02/2019, của Viện sinh thái Tài nguyên và Sinh vật - Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam kết luận:

- Mẫu vầy động vật gửi giám định là vầy loài Tê tê. Mẫu vầy động vật (vầy kích thước nhỏ) là vầy loài Tê tê Java có tên khoa học *Manis javanica* và mẫu vầy động vật (vầy kích thước lớn) là vầy loài Tê tê khổng lồ có tên khoa học *Manis gigantea*. Cả hai loại Tê tê này đều thuộc ngành động vật có dây sống (ngành dây sống) - Chordata, lớp thú - Mammalia, bộ Tê tê - Pholidota, họ Tê tê - Manidae.

- Số vầy Tê tê giám định là của nhiều cá thể Tê tê trưởng thành và chưa trưởng thành, Cơ quan giám định không xác định được bao nhiêu cá thể, bao nhiêu năm tuổi từ lúc sinh ra và trong môi trường nuôi sinh trưởng hay tự nhiên.

- Vầy Tê tê có cấu tạo gắn liền với da, Tê tê còn sống việc bóc vầy sẽ làm mất đi lớp da bao bọc cơ thể, nên được coi là bộ phận không thể tách rời sự sống. Nếu không có toàn bộ số vầy hoặc một phần lớn vầy trên cơ thể thì Tê tê sẽ không tồn tại được.

- Vây Tê tê được coi là sản phẩm động vật nếu được cắt một phần vây, không ảnh hưởng đến da. Mặc dù vậy, lớp vây là bộ phận giúp tê tê bảo vệ cơ thể khỏi các loài ăn thịt. Khi bị tấn công, tê tê cuộn tròn như quả bóng với lớp vây cứng bảo vệ cơ thể. Do đó, việc cắt vây sẽ ảnh hưởng đến sự sống sót của chúng ngoài tự nhiên.

Câu hỏi:

a. Viện kiểm sát nhân dân truy tố và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 69 luật thi hành án Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đức từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”. Là Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa, anh, chị phải làm những công việc gì? Tại sao?

b. Theo anh, chị, với nội dung trên thì người nào có hành vi phạm tội cần phải xử lý hình sự? vì sao

c. Anh, chị hãy phân tích và lập luận các yếu tố cấu thành tội phạm đối với hành vi phạm tội mà các anh chị xác định được tại câu 1? Theo Điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự?

d. Quá trình điều tra, lực lượng chức năng đã thu giữ 09 (chín) bao tải chứa trong đựng vây động vật có trọng lượng 315kg (ba trăm mười lăm ki lô gam) trong số vây đã thu giữ, tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên 10 kg để phục vụ giám định. Cơ quan giám định đã giữ lại làm mẫu lưu đối chứng, còn 305 kg vây động vật Tê tê còn lại cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này xử lý vật chứng trong vụ án như thế nào?



DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO



- Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ).
- Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ).
- Danh mục các loài ĐVHD quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã (Ban hành kèm theo thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/2/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ ĐVHD

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ HIỆU	HIỆU LỰC	NỘI DUNG CHÍNH
1.	Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi 2017)	12/2017/QH14	01/01/2018	Quy định chế tài hình sự đối với các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ trái phép động vật hoang dã, bộ phận cơ thể và sản phẩm của chúng. Điều 234, 244
2.	Bộ luật Tố Tụng hình sự 2015	101/2015/QH13	01/01/2018	Quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thi hành án hình sự
3.	Luật đa dạng sinh học	20/2008/QH12	01/07/2009	Đưa ra các quy định pháp luật liên quan đến đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển bền vững. Các nghị định và quy định phụ trợ được quản lý bởi Bộ tài nguyên môi trường
4.	Luật Lâm nghiệp	16/2017/QH14	01/01/2019	Đưa ra các quy định về quản lý và bảo vệ rừng, mua bán và chế biến sản phẩm rừng
5.	Nghị định 64/2019 sửa đổi Điều 7 Nghị định 160 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	64/2019/NĐ-CP	05/09/2019	Sửa đổi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được quy định trong Nghị định 160/2013
6.	Nghị định 35/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp	35/2019/NĐ-CP	10/06/2019	Quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp
7.	Nghị định 06/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	06/2019/NĐ-CP	10/03/2019	Quy định Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường; thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sau đây viết tắt là CITES) tại Việt Nam.
8.	Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của	05/2018/NQ-HDTP	01/12/2018	Hướng dẫn áp dụng điều 234, điều 244 BLHS sửa đổi bổ sung 2017

	Bộ luật Hình sự			
9.	Nghị định 160 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	160/2013/NĐ-CP	01/01/2014	Quy định về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; ban hành Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
10.	Nghị định 155 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	155/2016/NĐ-CP	01/02/2017	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong Nghị định 160/2013/NĐ-CP
11.	Nghị định 103 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản	103/2013/NĐ-CP	01/11/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản; quản lý tàu cá và quản lý thuyền viên tàu cá; nuôi trồng thủy sản, sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản; thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản; ngành nghề dịch vụ thủy sản; cản trở hoạt động quản lý nhà nước về thủy sản.
12.	Nghị định 156/2018 hướng dẫn Luật Lâm nghiệp	156/2018/NĐ-CP	01/01/2019	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp về tiêu chí xác định rừng, bảo vệ rừng, khai thác lâm sản, chính sách bảo vệ và cứu hộ động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
13.	Thông tư 90/2008 hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu	90/2008/TT-BNN	02/10/2008	Quy định thủ tục, trình tự xử lý động vật hoang dã sau khi tịch thu trong xử lý vi phạm hành chính (Lưu ý: Văn bản này sắp được thay thế bằng thông tư mới đang trong quá trình dự thảo)
14.	Thông tư 04/2017 ban hành danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	04/2017/TT-BNNPTNT	10/04/2017	Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
15.	Thông tư 27/2018 quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	27/2018/TT-BNNPTNT	01/01/2019	Quy định về trình tự, thủ tục khai thác động vật rừng thông thường, đánh dấu mẫu vật các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng

				hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước CITES.
16.	Quyết định 11/2013 cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài động vật hoang dã thuộc các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	11/2013/QĐ-TTg	15/03/2013	Cấm việc xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán các mẫu vật của tê giác trắng, tê giác đen, voi và các sản phẩm của chúng
17.	Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế	01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP	01/02/2018	Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp và việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.
18.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Đa dạng sinh học	65/2010/NĐ-CP	30/07/2010	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn, bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền.
19.	Quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính	115/2013/NĐ-CP	18/11/2013	Quy định về chế độ quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính (sau đây viết gọn là tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu); trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan và người quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu.
20.	Hướng dẫn một số điều của nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình	43/2018/TT-BTC	25/06/2018	Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ về căn cứ định giá tài sản; khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; yêu cầu khi áp dụng phương pháp định giá tài sản và chi phí định giá, định giá lại tài

	sự			sản; thủ tục tạm ứng và thanh toán chi phí định giá, định giá lại tài sản trong tổ tụng hình sự.
21.	Hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	25/2016/TT-BTNMT	08/11/2016	Quy định chi tiết Điểm d Khoản 2 Điều 43 Luật Đa dạng sinh học; Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.
22.	Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	27/2018/TT-BNNPTNT	01/01/2019	1. Trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường. 2. Hồ sơ lâm sản hợp pháp, kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản. 3. Đánh dấu mẫu vật các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua bán (sau đây viết chung là mẫu vật).

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ ĐVHD

Các Bộ ban ngành và cơ quan quản lý		
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ NN&PTNT	Quản lý giám sát các hoạt động về bảo tồn theo Luật Lâm Nghiệp 16/2017/QH144, Luật Bảo vệ và phát triển rừng 29/2004/QH11, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP
Bộ Tài Nguyên và Môi Trường	Bộ TN&MT	Quản lý giám sát các hoạt động về bảo tồn và đa dạng sinh học theo Luật Đa Dạng Sinh Học 20/2008/QH12 và Nghị định 160/2013/NĐ-CP
Bộ Tư Pháp		Xây dựng dự thảo luật và rà soát các văn bản Luật Việt Nam
Bộ Công Thương	BCT	Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động thương mại và công nghiệp, bao gồm đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường, quản lý hàng cấm
Cơ quan quản lý CITES	CITES MA	Trực thuộc Tổng cục Lâm Nghiệp, Bộ NN&PTNT, có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu các loài được bảo vệ căn cứ theo Nghị định 06/2019
Cơ quan khoa học CITES	CITES SA	Các cơ quan được ủy quyền là cơ quan khoa học CITES theo Nghị định 06/2019 có nhiệm vụ tham vấn cho cơ quan quản lý CITES
Ủy ban nhân dân tỉnh	UBND	Cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh
Cục bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	BCA	Trực thuộc Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT có chức năng tham mưu quản lý nhà nước về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
Các cơ quan thực thi pháp luật		
Cục Kiểm lâm		Trực thuộc Bộ NN&PTNT có chức năng chính là quản lý giám sát thực hiện Nghị định 06/2019
Cục Cảnh sát PCTP về môi trường	C05	Trực thuộc Bộ Công An với chức năng nhiệm vụ phòng chống tội phạm về môi trường, trong đó có buôn bán ĐVHD trái pháp luật
Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng kinh tế buôn lậu	C03	Trực thuộc Bộ Công An với chức năng nhiệm vụ điều tra phòng chống tội phạm về kinh tế trong đó có tội phạm về ĐVHD
Tổng Cục Hải Quan		Trực thuộc Bộ Tài Chính, với chức năng quản lý nhà nước về hải quan và các cơ quan hải quan trên toàn quốc

Tổng cục Quản lý thị trường		Trực thuộc Bộ Công Thương, có chức năng phát hiện và xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại
Bộ đội biên phòng		Trực thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam, với chức năng nhiệm vụ quản lý và bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ, an ninh trật tự và biên giới quốc gia trên đất liền, biển, hải đảo và tại các cửa khẩu theo luật.
Các cơ quan tư pháp		
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	VKSNDTC	Là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bao gồm các Viện kiểm sát nhân dân cấp tối cao, 63 viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (trực thuộc trung ương) và 691 viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, quận, thành phố (trực thuộc tỉnh)
Tòa án nhân dân tối cao	TANDTC	Là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, rà soát giám đốc thẩm hoặc các sai sót trong bản án/ quyết định của tòa cấp dưới Giám sát hoạt động của tòa cấp dưới, củng cố và đánh giá hoạt động xét xử của các tòa cấp dưới

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC LOÀI ĐVHD ĐƯỢC BẢO VỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THEO CÔNG ƯỚC CITES

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
	LỚP THÚ	MAMMALIA			
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES			
1	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	IB	Có	I
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i> (<i>N. coucang</i>)	IB	Có	I
3	Vọc Cát Bà (Vọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus</i> <i>poliocephalus</i>	IB	Có	II
4	Vọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	IB	Có	I
5	Vọc quần đùi trắng/ mông trắng	<i>Trachypithecus</i> <i>delacouri</i>	IB	Có	II
6	Vọc chà vá chân đỏ/ Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>	IB	Có	I
7	Vọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	IB	Có	I
8	Vọc bạc Trường sơn	<i>Trachypithecus</i> <i>margarita</i>	IB	<u>Có</u>	Không
9	Vọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus</i> <i>germaini (T.villosus)</i>	IB	Có	Không
10	Vọc đen Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus</i> <i>hatinhensis</i>	IB	Có	II
11	Vọc đen má trắng	<i>Trachypithecus</i> <i>francoisi</i>	IB	Có	II
12	Vọc xám	<i>Trachypithecus</i> <i>crepusculus(T. phayrei)</i>	Không	Có	II
13	Vượn cao vút	<i>Nomascus nasutus</i>	IB	Có	Không
13	Vượn đen má vàng/ má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	IB	Có	I
14	Vượn siki	<i>Nomascus leucogenys</i> <i>siki</i>	IB	<u>Có</u>	I
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates)</i> <i>leucogenys</i>	IB	Có	I
16	Vượn đen tuyền tây bắc	<i>Nomascus (Hylobates)</i> <i>concolor</i>	IB	Có	I
17	Vượn Trung bộ	<i>Nomascus annamensis</i>	IB	<u>Có</u>	I
18	Khi đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	IIB	Không	II
19	Khi đuôi lợn	<i>Macaca leonina (M.</i> <i>nemestrina)</i>	IIB	Không	II
20	Khi mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	IIB	Không	II
21	Khi mốc	<i>Macaca assamensis</i>	IIB	Không	II
22	Khi vàng	<i>Macaca mulatta</i>	IIB	Không	II
23	Vọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus</i> <i>avunculus</i>	IB	Có	II
	THÚ ẮN THỊT	CARNIVORA			
25	Hổ Đông Dương	<i>Panthera tigris</i>	IB	Có	I
26	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	IB	Có	I

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
27	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma (Felis) temminckii</i>	IB	Có	I
28	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	IB	Có	I
29	Cầy rái cá	<i>Cynogale bennettii</i>	Không	Không	II
30	Cáo lửa	<i>Vulpes vulpes</i>	IIB	Không	II
31	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	IB	<u>Có</u>	I
32	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>	IIB	Không	III (Ấn Độ)
33	Cầy giông đốm lớn	<i>Viverra megaspila</i>	IIB	<u>Có</u>	Không
34	Cầy tai trắng	<i>Arctogalidia trivirgata</i>	IIB	Không	Không
35	Cầy vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	IIB	Không	III (Ấn Độ)
36	Cầy vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>	IIB	Không	III (Ấn Độ)
37	Cầy hương	<i>Viverricula indica</i>	IIB	Không	III
38	Cầy vằn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>	IIB	Có	Không
39	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>	IIB	Không	Không
40	Chồn mực/ Cây mực (Cây đen)	<i>Arctictis binturong</i>	IB	Có	III
41	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayanus</i>	IB	Có	I
42	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>	IB	Có	I
43	Mèo cá	<i>Prionailurus (Felis) viverrina</i>	IB	Có	II
44	Mèo gấm	<i>Pardofelis (Felis) marmorata</i>	IB	Có	I
45	Mèo ri	<i>Felis chaus</i>	IIB	Không	II
46	Mèo rừng	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>	IIB	Không	I
47	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>	IB	Có	II
48	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale (Lutra) perspicillata</i>	IB	Có	II
49	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	IB	Có	I
50	Rái cá vuốt bé	<i>Amblonyx (Aonyx) cinereus (A. cinerea)</i>	IB	Có	II
51	Sói đỏ / Chó sói lửa	<i>Cuon alpinus</i>	IB	Có	II
52	Triết bụng vàng	<i>Mustela kathiah</i>	Không	Không	III
53	Triết chi lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>	IIB	Không	Không
	BỘ CÓ VỎI	PROBOSCIDEA			
54	Voi	<i>Elephas maximus</i>	IB	Có	I
	BỘ MÓNG GUỐC LẺ	PERISSODACTYLA			
55	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>	IB	Có	I
56	Tê giác hai sừng	<i>Dicerorhinus sumatrensis</i>	Không	Không	I
	BỘ MÓNG GUỐC CHÂN	ARTIODACTYLA			
57	Cheo cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	IIB	Không	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
58	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	IB	Có	Không
59	Hươu vàng	<i>Axis (Cervus) porcinus</i>	IB	Có	III
60	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>	IB	Có	II
61	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>	IB	Có	I
62	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>	IB	Có	Không
63	Mang pù hoạt	<i>Muntiacus puhoatensis</i> (<i>Muntiacus rooseveltorum</i>)	IIB	Không	Không
64	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	IIB	Không	Không
65	Nai cà tong	<i>Cervus eldii</i>	IB	Có	Không
66	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>	IB	Có	I
67	Sơn dương	<i>Naemorhedus (Capricornis) sumatraensis</i>	IB	Có	I
68	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>	Không	Có	I
69	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>	Không	Có	III
70	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	IB	Có	I
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA			
71	Tê tê Java	<i>Manis javanica</i>	IB	Có	I
72	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>	IB	Có	I
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA			
73	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timminsi</i>	IB	Có	Không
74	Thỏ rừng	<i>Lepus sinensis</i>	IIB	Không	Không
	BỘ Gặm Nhấm	RODENTIA			
75	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	IIB	Không	II
76	Sóc bay trâu	<i>Petaurista petaurista</i>	IIB	Không	Không
77	Chuột đá	<i>Laonastes aenigmamus</i>	IIB	Không	Không
	BỘ Dơi	CHIROPTERA			
78	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i>	IIB	Không	II
79	Dơi ngựa nhỏ	<i>Pteropus lylei</i>	IIB	Không	Không
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA			
80	Chồn dơi	<i>Cynocephalus variegatus</i>	Không	Có	Không
	BỘ CÁ VOI	CETACEA			
81	Cá heo trắng trung hoa	<i>Sousa chinensis</i>	Không	Có	I
	BỘ HẢI NGƯU	SIRENIA			
82	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>	Không	Có	I
	LỚP CHIM	AVES			
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES			
83	Điêng điêng / Cỏ rắn	<i>Anhinga melanogaster</i>	IB	Có	Không
84	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>	IB	Có	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
85	Cò mỏ thìa	<i>Platalea minor</i>	IB	Có	Không
86	Quắm cánh xanh	<i>Pseudibis davisoni</i>	IB	Có	Không
87	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>	IB	Có	Không
88	Quắm lớn	<i>Thaumabitis (Pseudibis) gigantea</i>	IB	Có	Không
89	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>	IB	Có	Không
90	Hạc xám	<i>Mycteria cinerea</i>	IB	Không	I
91	Quắm đầu đen	<i>Threskiornis melanocephala</i>	IIB	Không	Không
92	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>	IB	Có	Không
	BỘ BÒ CÂU	COLUMBIFORMES			
93	Bò câu ni cô ba	<i>Caloenas nicobarica</i>	IB	Không	I
94	Bò câu nâu	<i>Columba punicea</i>	IIB	Không	Không
	BỘ CẮT	FALCONIFORMES			
95	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i>	IB	Không	I
96	Cắt nhỏ hông trắng	<i>Polihierax insignis</i>	IIB	Không	II
97	Diều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>	IIB	Không	II
98	Diều cá lớn	<i>Ichthyophaga ichthyaetus</i>	IIB	Không	II
99	Diều cá bé	<i>Ichthyophaga humilis</i>	IIB	Không	II
100	Đại bàng đen	<i>Aquila clanga</i>	IIB	Không	II
101	Các loài trong bộ Cắt	<i>Falconiformes</i> spp. (trừ loài <i>Falco peregrinus</i> đã liệt kê trong nhóm IB)	IIB		II
	BỘ ỨNG	ACCIPITRIFORMES			
102	Đại bàng đầu nâu	<i>Aquila heliaca</i>	IB	Không	I
103	Kền kền ấn độ	<i>Gyps indicus</i>	IB	Không	Không
104	Kền kền ben gan	<i>Gyps bengalensis</i>	IB	Không	Không
105	Các loài trong bộ Ưng	<i>Accipitriformes</i> spp. (trừ các loài <i>Aquila heliaca</i> , <i>Gyps indicus</i> , <i>Gyps bengalensis</i> và <i>Sarcogyps calvus</i> đã liệt kê trong nhóm IB)	IIB	Không	không
106	Ó tai	<i>Sarcogyps calvus</i>	IIB	Không	Không
	BỘ CÚ	STRIGIFORMES			
107	Dù di phương đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>	Không	Không	II
108	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	Không	Không	II
109	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>	Không	Không	II
110	Các loài trong bộ Cú Strigiformes	<i>Strigiformes</i> spp.	IIB		II
	BỘ GÀ	GALLIFORMES			
111	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>	IIB	Không	Không
112	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>	IB	Có	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
113	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	IB	Có	I
114	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	IB	Không	Không
115	Công	<i>Pavo muticus</i>	IIB	Có	II
116	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	IB	Có	II
116	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	IB	Có	II
117	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>	IB	Có	I
118	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii tonkinensis</i>	IB	Có	Không
119	Các loài Gà so thuộc giống Arborophila	<i>Arborophila</i> spp. (trừ loài <i>Arborophila davidi</i> đã liệt kê ở nhóm IB)	IIB	Không	Không
	BỘ HẠC	CICONIIFORMES			
120	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>	IB	Có	Không
121	Già đầy lớn	<i>Leptoptilos dubius</i>	IIB	Không	Không
122	Hạc đen	<i>Ciconia nigra</i>	IIB	Không	II
	BỘ NGỔNG	ANSERIFORMES			
123	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>	IB	Có	Không
124	Vịt đầu đen	<i>Aythya baeri</i>	IIB	Không	Không
125	Vịt mỏ nhọn	<i>Mergus squamatus</i>	IIB	Không	Không
	BỘ RỄ/ CHOÁT	CHARADRIIFORMES			
126	Choát lớn mỏ vàng	<i>Tringa guttifer</i>	IB	Không	I
127	Rễ mỏ thìa	<i>Calidris pygmeus</i>	IIB	Không	Không
	BỘ SẢ	CORACIIFORMES			
128	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	IB	Có	I
129	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>	IIB	Có	II
130	Niệc nâu	<i>Anorrhinus tickelli</i>	IIB	Có	II
131	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	IB	Có	I
132	Các loài trong họ Hồng hoàng	<i>Bucerotidae</i> spp. (trừ các loài <i>Buceros bicornis</i> , <i>Aceros nipalensis</i> , <i>Rhyticeros undulatus</i> và <i>Anorrhinus austeni</i> thuộc Nhóm IB)	IIB		
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES			
133	Các loài thuộc giống Garrulax	<i>Garrulax</i> spp.	IIB		
134	Các loài thuộc giống Pitta	<i>Pitta</i> spp.	IIB		
135	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	IIB	Không	II
136	Sẻ đồng ngực vàng	<i>Emberiza aureola</i>	IIB	Không	Không
137	Mì núi bà	<i>Laniellus langbianis</i>	IIB	Không	Không
138	Kim oanh mỏ đỏ	<i>Leiothrix lutea</i>	IIB	Không	II
139	Kim oanh tai bạc	<i>Leiothrix argentauris</i>	IIB	Không	II

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
140	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax ngoclinhensis</i>	IB	Có	Không
136	Khướu đuôi đỏ	<i>Garrulax formosus greenwayi</i>	IIB	Không	Không
137	Đuôi cụt bụng đỏ	<i>Pitta nympha</i>	IIB	Không	II
137	Khướu cánh đỏ	<i>Garrulax formosus</i>	IIB	Không	Không
138	Khướu ngực đỏm	<i>Garrulax merulinus</i>	IIB	Không	Không
138	Khướu đầu đen	<i>Garrulax milleti</i>	IIB	Không	Không
139	Khướu đầu xám	<i>Garrulax vassali</i>	IIB	Không	Không
139	Khướu đầu đen má xám	<i>Garrulax yersini</i>	IIB	Không	Không
	BỘ SẾU	GRUIFORMES			
139	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>	IB	Có	II
140	Chân bơi	<i>Heliopais personata</i>	IIB	Không	Không
	BỘ Ô TÁC	OTIDIFORMES			
141	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>	IB	Có	I
	BỘ VỆT	PSITTACIFORMES			
142	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>	IIB	Không	II
143	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	IIB	Không	II
143	Vẹt má vàng	<i>Psittacula eupatria</i>	IIB	Không	II
144	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>	IIB	Không	II
144	Vẹt đầu hồng	<i>Psittacula roseata</i>	IIB	Không	II
145	Các loài Vẹt thuộc giống Psittacula	<i>Psittacula</i> spp.	IIB		II
	REPTILIA	LỚP BÒ SÁT			
	SQUAMATA	BỘ CÓ VÂY			
146	Rắn hổ mang thường	<i>Naja naja</i>	Không	Không	II
147	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	IIB	Không	II
148	Trăn cộc	<i>Python curtus</i>	IIB	Không	II
149	Rắn hổ mang một mắt kính	<i>Naja kaouthia</i>	IIB	Không	II
150	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	IIB	Không	II
151	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	IB	Có	II
152	Rắn hổ mang xiêm	<i>Naja siamensis</i>	IIB	Không	II
153	Kỳ đà vân	<i>Varanus bengalensis (V. nebulosa)</i>	IB	Không	I
154	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	IIB	Không	II
155	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	IIB	Không	I
156	Rắn hổ mang Trung quốc	<i>Naja atra</i>	IIB	không	II
157	Các loài Thạch sùng mí thuộc giống Goniurosaurus	<i>Goniurosaurus</i> spp.			
158	Tắc kè đuôi vàng	<i>Cnemaspis psychedelica</i>	IB	<u>Có</u>	I
159	Thằn lằn cá sấu	<i>Shinisaurus crocodilurus</i>	IB	<u>Có</u>	I

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
	BỘ RÙA	TESTUDINES			
160	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	Không	Có	I
161	Rùa ba-ta-gua miền nam	<i>Batagur affinis</i>	IB	Không	I
162	Rùa biển đầu to	<i>Caretta caretta</i>	Không	Có	I
163	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	Không	Có	I
164	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	Không	Có	I
165	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	Không	Không	II
166	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i>	IIB	Có	II
167	Rùa răng	<i>Hieremys annandalii</i>	Không	Không	II
168	Rùa ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	IIB	Không	II
169	Rùa đất Spengleri	<i>Geoemyda spengleri</i>	IIB	Không	II
170	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i>	IIB	Không	II
171	Giải sin-hoe	<i>Rafetus swinhoei</i>	IB	Có	II
172	Rùa đầu to	<i>Platysternum megacephalum</i>	IB	<u>Có</u>	I
173	Rùa câm	<i>Mauremys mutica</i>	IIB	Không	II
174	Rùa Trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>	IB	Có	II
175	Rùa đầm cổ đỏ	<i>Mauremys nigricans</i>	IIB	Không	II
176	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>	IB	Có	II
177	Rùa đất pul-kin	<i>Cyclemys pulchristriata</i>	IIB	Không	II
178	Rùa đất châu Á	<i>Cyclemys dentata</i>	IIB	Không	II
179	Rùa đất sê-pôn	<i>Cyclemys oldhami</i>	IIB	Không	II
180	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	IIB	Không	II
181	Rùa cổ bự	<i>Siebenrockiella crassicollis</i>	IIB	Không	II
182	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>	IIB	không	II
183	Ba ba nam bộ/ Cua đinh	<i>Amyda cartilaginea</i>	IIB	Không	II
184	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	IIB	Không	II
185	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>	IIB	Không	II
186	Rùa hộp Việt Nam (Rùa hộp trán vàng miền nam)	<i>Cuora picturata</i>	IB	<u>Có</u>	II
187	Rùa hộp bua-rê (Rùa hộp trán vàng miền bắc)	<i>Cuora bourreti</i>	IB	<u>Có</u>	II
188	Rùa hộp trán vàng	<i>Cuora galbinifrons</i>	IIB	Có	II
189	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i>	IIB	Không	II
190	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	Không	Có	I
	BỘ CÁ SÁU	CROCODILIA			
191	Cá sấu hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>	IB	Không	I
192	Cá sấu xiêm	<i>Crocodylus siamensis</i>	IB	Không	I
	LỚP ẾCH NHÁI	AMPHIBIA			
	BỘ CÓ ĐUÔI	CAUDATA			

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học	Nghị định 06/2019/NĐ -CP (thay thế ND 32/2006)	Nghị định 64/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP)	Phụ Lục CITES (phiên bản 10/2017)
193	Cá cóc bụng hoa (Cá cóc tam đảo)	<i>Paramesotriton deloustali</i>	IIB	Không	Không
194	Các loài Cá cóc thuộc giống Tylostotriton	<i>Tylostotriton</i> spp.	IIB	Không	Không
	LỚP CÔN TRÙNG	INSECTA			
	BỘ CÁNH VÂY	LEPIDOPTERA			
195	Bướm phượng đuôi kiếm răng nhọn	<i>Teinopalpus aureus aureus</i>	IIB	Không	II
196	Bướm phượng đuôi kiếm răng tù	<i>Teinopalpus imperialis imperialis</i>	IIB	Không	II
197	Bướm phượng cánh chim chấm liền	<i>Troides helena cerberus</i>	IIB	Không	II
198	Bướm phượng cánh chim chấm rời	<i>Troides aeacus aeacus</i>	IIB	Không	II
	BỘ CÁNH CỨNG	COLEOPTERA			
199	Cua bay việt nam	<i>Cheirotonus battareli</i>	IIB	Không	Không
200	Cua bay đen	<i>Cheirotonus jansoni</i>	IIB	Không	Không

PHỤ LỤC 4. MẪU BIÊN BẢN TIẾP NHẬN NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 09
BH theo TT số 61/2017/TT-BCA
ngày 14/12/2017

BIÊN BẢN TIẾP NHẬN NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM

Hồi.....giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

thuộc Cơ quan.....

Căn cứ các điều 133, 144, 145 và 146 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành lập biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của ông/bà:

Họ tên: Giới tính:

Tên gọi khác:

Sinh ngày..... tháng..... năm..... tại.....;

Quốc tịch:; Dân tộc:; Tôn giáo:

Nghề nghiệp:.....;

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu:

cấp ngày..... tháng..... năm..... Nơi cấp:

Nơi cư trú:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cùng với việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, ông/bà.....
..... nộp kèm theo đồ vật, tài liệu (nếu có) gồm:

.....

NGƯỜI TIẾP NHẬN TIN